



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# **CÔNG BÁO**

*Thành phố Đà Nẵng*

**Số 30 + 31 + 32 + 33 + 34 + 35 + 36 + 37 + 38 + 39**

**Ngày 6 tháng 10 năm 2021**

## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	
<b>HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ</b>	
12/08/2021	4
Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	
12/08/2021	7
Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND Quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	
12/08/2021	14
Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng	
12/08/2021	19
Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND Thông qua mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và mở rộng đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	
12/08/2021	25
Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND Quy định mức thu học phí, học phí học lại đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc thành phố Đà Nẵng quản lý và học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm học 2021-2022	
12/08/2021	30
Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND Quy định chính sách đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm	

non thuộc loại hình dân lập, tư thực liên quan đến khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 12/08/2021 | Nghị quyết số 39 /2021/NQ-HĐND Quy định chế độ đặc thù trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng  | 33 |
| 12/08/2021 | Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND Bãi bỏ Nghị quyết số 213/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng | 38 |

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 30/08/2021 | Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND Ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng                      | 40 |
| 30/08/2021 | Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND Ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng    | 59 |
| 31/08/2021 | Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục công trình theo chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng  | 82 |
| 21/09/2021 | Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 26/3/2021  | 86 |
| 27/09/2021 | Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND Bãi bỏ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng | 93 |

### VĂN BẢN KHÁC

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |  |     |
|------------|--|-----|
| 12/08/2021 | Nghị quyết số 27/NQ-HĐND Về cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Đà Nẵng                   | 94  |
| 12/08/2021 | Nghị quyết số 28/NQ-HĐND Về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 của thành phố Đà Nẵng | 108 |

12/08/2021	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND Về Danh mục các dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025	112
12/08/2021	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND Về việc thông qua Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung năm 2021	123
12/08/2021	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND Xác nhận kết quả bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026	130
12/08/2021	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trong năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19	131
12/08/2021	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND Về việc thành lập, đặt tên tổ dân phố trên địa bàn quận Hải Châu và quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	133
12/08/2021	Nghị quyết số 42 /NQ-HĐND Về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công thành phố Đà Nẵng	135
12/08/2021	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND Về nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021	145
12/08/2021	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Đà Nẵng	156

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều  
và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều;*

*Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn thành phố Đà Nẵng do ngân sách địa phương bảo đảm từ nguồn kinh phí chi thường xuyên đối với các tuyến đê cấp IV và cấp V, cụ thể như sau:

1. Duy tu, bảo dưỡng đê điều
  - a) Sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê;

- b) Sửa chữa, gia cố đường gom, đường hành lang chân đê, dốc lên xuống đê trong phạm vi bảo vệ đê;
- c) Sửa chữa và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè;
- d) Đắp đất, trồng cây chắn sóng;
- đ) Khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ẩn họa trong thân đê; khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê;
- e) Kiểm tra đánh giá chất lượng công dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của công dưới đê;
- g) Kiểm tra hiện trạng kè bảo vệ đê; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của kè;
- h) Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Cột mốc trên đê; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê; trạm và thiết bị quan trắc; kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão lũ;
- i) Sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Công trình phân lũ, làm chậm lũ; công trình tràn sự cố; giếng giảm áp; điểm canh đê;
- k) Bổ sung, bảo dưỡng, thu gom vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão liên quan đến đê điều thuộc nhiệm vụ của thành phố;
- l) Khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ họa diễn biến lòng dẫn; đo đạc diễn biến bãi biển trước đê; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê và phòng, chống lụt bão;
- m) Các công việc khác có liên quan trực tiếp tới công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định tại Luật Đê điều, pháp luật có liên quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

## 2. Xử lý cấp bách sự cố đê điều

Các sự cố đê điều cần phải xử lý cấp bách để đảm bảo an toàn hệ thống đê là các sự cố phát sinh trước, trong và sau mùa lũ, bão hàng năm; những sự cố này chưa được đưa vào kế hoạch và bố trí trong dự toán duy tu, bảo dưỡng đê điều hàng năm, gồm:

- a) Xử lý sạt trượt mái đê, mái kè;
- b) Xử lý nứt đê;
- c) Xử lý sập tổ mối trên đê;
- d) Xử lý sụt, lún thân đê;
- đ) Xử lý đoạn bờ sông bị sạt trượt có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê;
- e) Xử lý rò rỉ, thấm, tổ mối và các khuyết tật khác trong thân đê;
- g) Xử lý lỗ sủi, mạch sủi, bãi sủi, mạch đùn, bực đất, giếng phụt;
- h) Xử lý trường hợp nước lũ tràn qua đỉnh đê;

i) Xử lý các sự cố hư hỏng công qua đê;

k) Hàn khẩu đê;

l) Xử lý giếng giảm áp làm việc không bình thường: nước từ trong giếng, khu vực cát thấm lọc có hiện tượng nước đục và kéo theo bùn cát thoát ra ngoài.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;*

*Xét Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức chi kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp; bộ phận làm nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp thành phố và quận, huyện; bộ phận thường trực của Ban Chỉ huy cấp phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (*theo phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**



**Phụ lục**  
**MỨC CHI PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**  
**VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021*  
*của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

TT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
1	Chi đảm bảo hoạt động của Ban Chỉ huy các cấp; bộ phận làm nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp thành phố và quận, huyện hoặc bộ phận thường trực của Ban Chỉ huy phường, xã		
a	Vật tư, văn phòng phẩm, nhiên liệu, thông tin, liên lạc và các dịch vụ công cộng khác	Chi theo hoá đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, phù hợp với thực tế hoạt động và trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hàng năm	
b	Thuê, mua sắm, sửa chữa tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện thiết yếu và chuyên dùng phục vụ công tác ứng phó, chỉ đạo, điều hành, giám sát, kiểm tra hiện trường	Chi theo hoá đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, phù hợp với thực tế hoạt động và trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hàng năm	Tiêu chuẩn, định mức máy móc, trang thiết bị chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và các quy định hiện hành
c	Phụ cấp kiêm nhiệm; tiền lương, tiền công chuyên gia, người lao động hợp đồng được huy động thực hiện nhiệm vụ	Thực hiện theo quy định tại: - Thông tư 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ	Được thực hiện cho đến khi có quy định mới về chế độ tiền lương và phụ cấp theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách

		<p>công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan đơn vị khác.</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.</p>	<p>chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp</p>
d	<p>Tiền lương làm thêm giờ theo quy định của Luật Lao động, công tác phí và các chế độ chính sách có liên quan cho cán bộ tham gia công tác trực ban, họp điều hành ứng phó và tham gia các đoàn công tác tiền phương khi có tình huống thiên tai</p>		
-	<p>Tiền lương làm thêm giờ theo quy định của Luật Lao động</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại:</p> <p>- Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>- Thông tư số 31/2017/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2017 quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực phòng chống thiên tai.</p>	

	<p>Công tác phí và các chế độ chính sách có liên quan cho cán bộ tham gia công tác trực ban, họp điều hành ứng phó và tham gia các đoàn công tác tiền phương khi có tình huống thiên tai</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của HĐND thành phố Quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố.</li> <li>- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.</li> </ul>	
đ	<p>Chi phí quản lý vận hành hệ thống, thuê dịch vụ công trong cung cấp, truyền tải thông tin phục vụ phòng, chống thiên tai (hệ thống quan trắc, cảnh báo chuyên dùng, hệ thống theo dõi, giám sát tại các công trình, trọng điểm phòng, chống thiên tai...)</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&amp;ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước</p>	
e	<p>Cập nhật, bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu và các công cụ hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác phòng ngừa ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai</p>	<p>Chi theo hoá đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, phù hợp với thực tế hoạt động và trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hàng năm</p>	
2	<p>Hội nghị, hội thảo và các sự kiện, hoạt động Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của HĐND thành phố Quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội</p>	

		ngợi đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố	
3	Tập huấn, huấn luyện, đào tạo, diễn tập về phòng chống thiên tai cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng tài liệu, phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho lực lượng phòng, chống thiên tai các cấp và cộng đồng về pháp luật, kiến thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai	Chi theo hoá đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, phù hợp với thực tế hoạt động và trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.	
4	Công tác khen thưởng cho cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Áp dụng mức chi tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thi đua khen thưởng	
5	Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Sản xuất, biên tập, phát sóng, phát hành, truyền tải sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh, truyền hình, xuất bản phẩm và các sản phẩm thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, panô, khẩu hiệu, băng hình, video clip), tin nhắn qua điện thoại di động và mạng xã hội, tổ chức các buổi tọa đàm, cuộc thi, bình chọn, triển lãm ảnh, mit tinh và các hình thức, sản phẩm truyền thông khác để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn...	Thực hiện theo quy định tại: - Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. - Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất Chương trình truyền hình.	Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, sản phẩm, nội dung truyền thông và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao theo thẩm quyền, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ.

		- Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí (gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử) xuất bản phẩm khi tham gia thực hiện tuyên truyền.	
6	Huy động lực lượng, vật tư, trang thiết bị, phương tiện để xử lý kịp thời các tình huống thiên tai xảy ra	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	
7	Tiếp nhận, phân bổ các khoản cứu trợ khẩn cấp thiên tai	Chi theo hoá đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, phù hợp với thực tế hoạt động và trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hàng năm	
8	Các nội dung chi khác thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có) và được cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn	Chi theo hoá đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, phù hợp với thực tế hoạt động và trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hàng năm	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 33/2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên,  
vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đúng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá X nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên,  
vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 33 /2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc thành phố Đà Nẵng đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc thành phố Đà Nẵng quyết định cử các vận động viên, huấn luyện viên tham dự các giải thi đấu quốc gia và quốc tế.

2. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng.

**Điều 3.** Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Đà Nẵng là công dân Việt Nam, lập thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Chế độ tiền thưởng đối với vận động viên

a) Các môn thể thao cá nhân mức thưởng cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Mức thưởng	Mức thưởng khi phá kỷ lục	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Đại hội Thể dục, thể thao toàn quốc</b>			
	Huy chương vàng	12.000	12.000	Phá kỷ lục quốc gia tại Đại hội
	Huy chương bạc	8.000		
	Huy chương đồng	6.000		
<b>2</b>	<b>Giải Vô địch Quốc gia</b>			
	Huy chương vàng	10.000	10.000	
	Huy chương bạc	6.000		
	Huy chương đồng	4.000		
<b>3</b>	<b>Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên dưới 12 tuổi</b>			
	Huy chương vàng	2.000	2.000	
	Huy chương bạc	1.200		
	Huy chương đồng	800		



<b>4</b>	<b>Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi</b>			
	Huy chương vàng	3.000	3.000	
	Huy chương bạc	1.800		
	Huy chương đồng	1.200		
<b>5</b>	<b>Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi</b>			
	Huy chương vàng	4.000	4.000	
	Huy chương bạc	2.400		
	Huy chương đồng	1.600		
<b>6</b>	<b>Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi</b>			
	Huy chương vàng	5.000	5.000	
	Huy chương bạc	3.000		
	Huy chương đồng	2.000		
<b>7</b>	<b>Đại hội, giải thể thao người khuyết tật toàn quốc</b>			
	Huy chương vàng	5.000	5.000	
	Huy chương bạc	3.000		
	Huy chương đồng	2.000		
<b>8</b>	<b>Các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp Quốc gia</b>			
	Huy chương vàng	3.000	3.000	
	Huy chương bạc	1.800		
	Huy chương đồng	1.200		

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao tập thể, nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội, được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

## 2. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên

a) Các môn thể thao cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu, thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải theo điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng với mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau: Dưới

04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên. Số lượng vận động viên tham gia thi đấu là số lượng người thi đấu chính thức được quy định bởi luật hoặc điều lệ thi đấu.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội, được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng, nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

d) Đối với huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên người khuyết tật lập thành tích trong các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc thì mức tiền thưởng được tính bằng 50% mức tiền thưởng đối với vận động viên.

e) Đối với huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia thì mức tiền thưởng được tính bằng 50% mức tiền thưởng đối với vận động viên.

**Điều 4.** Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Đà Nẵng là công dân Việt Nam, lập thành tích tại các giải thi đấu cấp quốc tế:

Mức thưởng bằng 50% mức thưởng quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu. Trường hợp có các văn bản mới thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản trên thì được áp dụng theo văn bản mới.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí chi trả chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp thể thao bố trí trong dự toán chi hằng năm của Sở Văn hóa và Thể thao.

2. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị và các tổ chức liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm chế độ tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội  
và mở rộng đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Theo Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị thông qua Nghị quyết mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và mở rộng đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội thường xuyên, mức trợ giúp xã hội khẩn cấp và mở rộng đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 400.000 đồng.

## 2. Đối tượng áp dụng và mức trợ giúp xã hội thường xuyên.

a) Các đối tượng bảo trợ xã hội; hộ gia đình, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng; các đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội và mức trợ giúp xã hội được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Các đối tượng bảo trợ xã hội mở rộng, mức trợ giúp xã hội ngoài quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*Đính kèm phụ lục I*).

## 3. Đối tượng áp dụng và mức trợ giúp xã hội khẩn cấp.

Các đối tượng bảo trợ xã hội; hộ gia đình, cá nhân; mức trợ giúp xã hội khẩn cấp được thực hiện bằng mức quy định tối thiểu tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*Đính kèm phụ lục II*).

4. Quy trình, thủ tục thực hiện: Theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

2. Thời điểm thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

3. Nghị quyết số 134/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về thông qua mức chuẩn trợ cấp, trợ giúp xã hội và mở rộng đối tượng, hệ số hưởng bảo trợ xã hội ngoài quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Lương Nguyễn Minh Triết**

**Phụ lục I****ĐỐI TƯỢNG, HỆ SỐ HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34 /2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HỆ SỐ
1	Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại (là mẹ hoặc cha) không có nguồn nuôi dưỡng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo		
	- Trẻ em dưới 04 tuổi	Người	2,5
	- Trẻ em từ 04 tuổi trở lên	Người	1,5
2	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS; người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng		
	- Trẻ em dưới 04 tuổi	Người	2,5
	- Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi	Người	2,0
	- Người từ 16 tuổi trở lên	Người	1,5
3	Người cao tuổi thuộc hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng		
	- Người từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	Người	1,5
	- Người từ đủ 80 tuổi trở lên	Người	2,0
4	Người cao tuổi từ 90 tuổi đến 99 tuổi, không kể có thu nhập hay không có thu nhập	Người	1,0
5	Người cao tuổi từ 100 tuổi trở lên, không kể có thu nhập hay không có thu nhập	Người	1,5
6	Người cao tuổi thuộc hộ cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng có người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc tại cộng đồng	Người	3,0

**Phụ lục II****QUY ĐỊNH VỀ MỨC TRỢ GIÚP XÃ HỘI KHẨN CẤP**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	NỘI DUNG	MỨC HỖ TRỢ
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi phí mai táng</b>	
1	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; con của người đơn thân nghèo đang nuôi con quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; người từ đủ 80 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác	Mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội
2	Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác	Mức hỗ trợ bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội
3	Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP do không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng	Mức hỗ trợ bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội
4	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội	Mức hỗ trợ bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng</b>	
1	Người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc do các lý do bất khả kháng khác tại nơi cư trú	Mức hỗ trợ bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội
2	Người bị thương nặng ngoài nơi cư trú quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP mà không có người thân thích chăm sóc thì cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị	Mức hỗ trợ bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở</b>	
1	Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở	Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/hộ
2	Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác	Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ
3	Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được	Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ
<b>IV</b>	<b>Các mức hỗ trợ khác</b>	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35 /2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu học phí, học phí học lại đối với các cơ sở giáo dục  
nghề nghiệp công lập thuộc thành phố Đà Nẵng quản lý và học phí  
giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn  
thành phố Đà Nẵng năm học 2021-2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022 và công tác chỉ đạo, điều hành giá năm 2021 và Công văn số 1754/LĐT BXH-TCGDNN ngày 9 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thu học phí trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp năm học 2021-2022;*

*Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức thu học phí, học phí học lại đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc thành phố Đà Nẵng quản lý năm học 2021-2022; học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm học 2021-2022; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu học phí, học phí học lại đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc thành phố Đà Nẵng quản lý và học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm học 2021-2022 như sau:

1. Mức thu học phí, học phí học lại tại Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức thu học phí, học phí học lại tại Trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.



3 Mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập theo Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.
2. Thời gian áp dụng: Năm học 2021-2022.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**

**Phụ lục I**  
**MỨC THU HỌC PHÍ, HỌC PHÍ HỌC LẠI**  
**TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT NĂM HỌC 2021-2022**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 35 /2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021*  
*của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

ĐVT: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

Số TT	Khối ngành	Mức thu
<b>1</b>	<b>Chuyên ngành nghệ thuật</b>	
	Trung cấp	740
	Cao đẳng	850
<b>2</b>	<b>Chuyên ngành văn hóa</b>	
	Trung cấp	620
	Cao đẳng	710

**Phụ lục II**  
**MỨC THU HỌC PHÍ, HỌC PHÍ HỌC LẠI**  
**TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐÀ NẴNG NĂM HỌC 2021-2022**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 35 /2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021*  
*của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

ĐVT: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

Số TT	Khối ngành	Mức thu
<b>1</b>	<b>Kinh tế</b>	
	Trung cấp	620
	Cao đẳng	710
<b>2</b>	<b>Du lịch; May và thiết kế thời trang; Kỹ thuật</b>	
	Trung cấp	740
	Cao đẳng	850

**Phụ lục III**  
**MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON,**  
**GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2021-2022**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 35 /2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021*  
*của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

ĐVT: Đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Mức thu					Ghi chú
	Thành thị			Nông thôn		
	Các quận: Hải Châu và Thanh Khê	Các quận: Liên Chiểu, Sơn Trà và Cẩm Lệ	Quận Ngũ Hành Sơn	Huyện Hòa Vang (không bao gồm các xã: Hòa Bắc, Hòa Phú, Hòa Ninh và Hòa Liên)	Các xã: Hòa Bắc, Hòa Phú, Hòa Ninh và Hòa Liên thuộc huyện Hòa Vang	
Mầm non	95.000	70.000	50.000	35.000	15.000	
Trung học cơ sở	60.000	60.000	45.000	30.000	15.000	Kể cả giáo dục thường xuyên cấp THCS, THPT và Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
Trung học phổ thông	70.000	60.000	45.000	30.000	15.000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38 /2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục liên quan đến khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định chính sách đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục liên quan đến khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định chính sách đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

#### **1. Đối tượng áp dụng**

a) Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành

lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

b) Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc thành phố Đà Nẵng đảm bảo những điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## 2. Quy định chính sách

a) Hỗ trợ trẻ em mầm non quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này với mức hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng.

Hồ sơ, trình tự, thời gian và phương thức thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

b) Hỗ trợ giáo viên mầm non quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này với mức hỗ trợ: 800.000 đồng/người/tháng.

Số lượng giáo viên được hưởng hỗ trợ; thời gian hưởng hỗ trợ; hồ sơ, trình tự thực hiện, phương thức thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

## **Điều 2. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách thành phố giao trong dự toán hằng năm cho ngành giáo dục theo phân cấp quản lý, nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39 /2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ đặc thù trong công tác phòng, chống dịch COVID-19  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khoá XV;*

*Căn cứ Công văn số 5386/BTC-NSNN ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc hỗ trợ thêm cho các lực lượng tham gia phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn;*



*Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định chế độ đặc thù trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định chế độ đặc thù trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo phụ lục kèm theo.

Đối với chế độ phụ cấp chống dịch quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 mục I Phụ lục kèm theo Nghị quyết này: Giao Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cụ thể đối tượng và thời gian thực hiện hỗ trợ tăng thêm so với Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ cho phù hợp với tình hình thực tế, kịp thời động viên các lực lượng tham gia phòng, chống dịch trên địa bàn thành phố; đồng thời đảm bảo công khai, minh bạch, chặt chẽ trong quá trình thực hiện chính sách.

### **Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện**

Sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước phòng, chống dịch; nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện.

### **Điều 3. Hiệu lực áp dụng**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

2. Thời gian áp dụng:

a) Đối với chế độ phụ cấp phòng, chống dịch và chế độ hỗ trợ tiền ăn cho lực lượng tham gia phòng, chống dịch (tại các mục I và II Phụ lục kèm theo Nghị quyết này): Thực hiện kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2021 (ngày xuất hiện ca nhiễm cộng đồng đầu tiên tại thành phố Đà Nẵng trong năm 2021).

b) Đối với chế độ tiền ăn cho đội ngũ nhân viên y tế chăm sóc, điều trị cho bệnh nhân dương tính COVID-19 tại các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thu dung, điều trị bệnh nhân dương tính COVID-19 (tại mục III Phụ lục kèm theo Nghị quyết này): Thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 (thời gian hưởng chính sách hỗ trợ thực tế kể từ ngày các cơ sở y tế tiếp nhận và điều trị ca mắc COVID-19 đến ngày không còn ca mắc COVID-19).

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố và các tổ chức thành viên phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định mới theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Lương Nguyễn Minh Triết**

**Phụ lục:****QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐẶC THÙ CHO LỰC LƯỢNG THAM GIA PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 39 /2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đối tượng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Về chế độ phụ cấp chống dịch</b>		
1	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch	450.000 đồng/người/ngày	Đã bao gồm chế độ phụ cấp chống dịch theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ.
2	Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm Sar-Cov-2 tại cơ sở y tế		
3	Người trực tiếp khám, chẩn đoán, điều trị người mắc COVID-19, nghi mắc COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		
4	Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân, gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19		
5	Người vận chuyển mẫu bệnh phẩm, bệnh nhân dương tính	300.000 đồng/người/ngày	
6	Cán bộ y tế làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ tại tổ, chốt ngõ ra vào thành phố	300.000 đồng/người/ca trực	
7	Các lực lượng còn lại (công an, tình nguyện viên....) tại các tổ chốt ngõ ra vào thành phố và các chốt kiểm soát trên địa bàn thành phố	130.000 đồng/người/ca trực	
8	Người nhập liệu mẫu bệnh phẩm xét nghiệm (chưa được quy định hỗ trợ tại Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ)	80.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 1.400.000 đồng/người/tháng	
9	Người lao động tham gia công tác phòng, chống dịch tại các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thu dung, điều trị bệnh nhân dương tính COVID-19 (chưa được quy định hỗ trợ tại Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ)	80.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 1.400.000 đồng/người/tháng	

II	Về chế độ hỗ trợ tiền ăn cho người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch; người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, vận chuyển mẫu, nhập liệu mẫu bệnh phẩm xét nghiệm, người trực tiếp làm xét nghiệm Sars-Cov-2, người vận chuyển bệnh nhân dương tính, người giám sát tại các chốt ngõ ra vào thành phố và các chốt kiểm soát trên địa bàn thành phố; kể cả tình nguyện viên tham gia các công việc này	80.000 đồng/người/ngày	
III	Về chế độ hỗ trợ tiền ăn cho đội ngũ nhân viên y tế chăm sóc, điều trị bệnh nhân dương tính COVID-19 tại các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thu dung, điều trị bệnh nhân dương tính COVID-19	120.000 đồng/người/ngày	Đã bao gồm chế độ hỗ trợ tiền ăn theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ.

**Ghi chú:**

1. Người lao động thuộc cơ sở y tế tham gia chống dịch thuộc đối tượng được hưởng nhiều mức phụ cấp khác nhau theo quy định thì được hưởng mức phụ cấp cao nhất.
2. Lực lượng tham gia nhiệm vụ tại các tổ, chốt ngõ ra vào thành phố và các chốt kiểm soát trên địa bàn thành phố (theo Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền): Chế độ phụ cấp chống dịch nêu tại khoản 6 và khoản 7 mục I nêu trên tính theo ca trực (mỗi ca 08 tiếng).
3. Các chế độ hỗ trợ nêu trên không áp dụng đối với tình nguyện viên đã hưởng chế độ hỗ trợ chống dịch và tiền ăn theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41 /2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Bãi bỏ Nghị quyết số 213/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thể dục, Thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thể dục, Thể thao;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;*

*Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 213/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Nghị quyết số 213/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực

hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao theo quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2021/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ,  
công chức trong cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý  
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 2364/TTr-SNV ngày 30 tháng 7 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Nội vụ thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, ban hành văn bản hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2021 và thay thế Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính và quản lý công chức tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Lê Trung Chính**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức  
trong cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý  
của ủy ban nhân dân thành phố đà nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

### **Chương I**

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Đà Nẵng.
2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Về tổ chức bộ máy
  - a) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp và Ban Quản lý An toàn thực phẩm thuộc UBND thành phố quản lý (gọi chung là sở).
  - b) UBND các quận, huyện, huyện đảo; cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, huyện đảo.
  - c) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (chi cục, ban) trực thuộc sở (gọi chung là chi cục).
2. Về biên chế, vị trí việc làm  
Biên chế, vị trí việc làm tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố và các cơ quan hành chính được quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Về cán bộ, công chức
  - a) Cán bộ công tác tại UBND thành phố, UBND huyện.
  - b) Công chức được quy định tại Điều 6 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức.
  - c) Công chức làm việc tại UBND phường quy định tại Nghị định số 34/2021/NĐ-CP, bao gồm: Chủ tịch phường, Phó Chủ tịch phường, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường và các công chức: Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng - Đô thị và

Môi trường, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội (gọi chung là công chức phường).

d) Công chức được cấp có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển giữ các chức vụ chủ chốt tại tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do các tổ chức đó trả lương.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền trách nhiệm về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính thuộc UBND thành phố Đà Nẵng quản lý.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY**

#### **Điều 3. Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND thành phố

a) Trình HĐND thành phố quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố; cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện đảo.

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi cục và tương đương thuộc sở.

c) Xây dựng Đề án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan hành chính tương đương sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

Phê duyệt phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể phòng thuộc sở trong cơ cấu tổ chức đã được UBND thành phố quy định.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Trình UBND thành phố đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố để trình HĐND thành phố quyết định theo quy định.

b) Thẩm định, trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc các sở, Chủ tịch UBND quận, huyện.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc các sở

a) Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể phòng chuyên môn, chi cục và tương đương thuộc Sở.

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc sở theo phương án được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt.

c) Phê duyệt phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, tổ chức thuộc chi cục trong cơ cấu tổ chức đã được UBND thành phố quy định.

5. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND quận, huyện

a) UBND huyện xây dựng Đề án, trình HĐND huyện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.

b) UBND quận quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận theo số lượng, tên gọi cụ thể được UBND thành phố quy định.

c) Riêng UBND huyện đảo báo cáo UBND thành phố để trình HĐND thành phố quyết định theo quy định.

#### **Điều 4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức**

##### **1. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND thành phố**

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (trừ các cơ quan hành chính tương đương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ).

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của chi cục và tương đương thuộc sở phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

##### **2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ**

Thẩm định, trình UBND thành phố các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc các sở.

##### **3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, ngành**

a) Xây dựng và trình UBND thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của sở; chi cục và tương đương thuộc sở.

b) Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của sở theo quy định của pháp luật.

c) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc sở.

##### **4. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND quận, huyện**

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện phù hợp với hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và hướng dẫn của các sở chuyên ngành.

#### **Điều 5. Phân loại, điều chỉnh đơn vị hành chính**

##### **1. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND thành phố**

Thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính của UBND các quận, huyện trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định.

##### **2. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố**

Quyết định phân loại và điều chỉnh việc phân loại đơn vị hành chính phường, xã.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ**

## **Điều 6. Căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và kế hoạch biên chế công chức**

1. Việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

2. Việc xây dựng kế hoạch biên chế công chức thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

## **Điều 7. Về quản lý vị trí việc làm**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm của các sở, UBND quận, huyện.

b) Báo cáo Bộ Nội vụ về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của thành phố.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nội vụ

Tham mưu, thẩm định, trình Chủ tịch UBND thành phố các nội dung về vị trí việc làm theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở đề nghị của người đứng đầu các sở, Chủ tịch UBND các quận, huyện.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Báo cáo định kỳ, đột xuất về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## **Điều 8. Về quản lý biên chế công chức**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND thành phố

a) Trình HĐND thành phố quyết định biên chế công chức của cơ quan của HĐND thành phố, UBND thành phố, quận, huyện trong tổng số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao.

b) Quyết định phân bổ biên chế công chức đối với các cơ quan của HĐND thành phố, UBND thành phố, quận, huyện sau khi HĐND thông qua; điều chỉnh biên chế công chức tạm thời đối với các cơ quan của HĐND thành phố, UBND thành phố, quận, huyện trong tổng số biên chế HĐND thành phố thông qua hàng năm và tổng hợp, báo cáo HĐND thành phố quyết định trong kỳ họp HĐND thành phố cuối năm.

c) Báo cáo Bộ Nội vụ về kế hoạch biên chế công chức hàng năm và tình hình thực hiện biên chế công chức của thành phố.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nội vụ

Tham mưu, thẩm định, trình UBND thành phố các nội dung về biên chế công chức theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này Quy định này trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các sở, Chủ tịch UBND các quận, huyện.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Xây dựng kế hoạch biên chế công chức hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thông báo chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quyết định phân bổ giao, điều chỉnh biên chế của UBND thành phố.

c) Báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình sử dụng biên chế công chức cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**

#### **Mục 1**

#### **TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC**

#### **Điều 9. Tuyển dụng công chức**

1. UBND thành phố ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức.

2. Chủ tịch UBND thành phố chỉ đạo công tác tuyển dụng công chức; thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức, Ban Giám sát kỳ tuyển dụng công chức, Hội đồng kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức; phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức (trừ việc tuyển dụng công chức làm việc tại UBND phường).

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố quyết định các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Thực hiện các nội dung liên quan về việc tổ chức thực hiện việc tuyển dụng công chức (trừ các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này).

c) Quyết định tuyển dụng công chức theo kết quả phê duyệt của Chủ tịch UBND thành phố; bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị xử lý kỷ luật trong thời gian tập sự.

d) Quyết định phê duyệt kế hoạch, phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức làm việc tại UBND phường; xem xét có ý kiến bằng văn bản trước khi UBND quận hủy quyết định tuyển dụng công chức làm việc tại UBND phường do không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật trong thời gian tập sự.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Xác định số lượng, cơ cấu công chức cần tuyển dụng gửi Sở Nội vụ thẩm định; phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức đã được UBND thành phố ban hành;

b) Quyết định tiếp nhận và bố trí công tác; lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ, cập nhật thông tin vào Phần mềm Quản lý hồ sơ quản lý cán bộ, công chức, viên chức đối với những người trúng tuyển công chức.

c) Chủ tịch UBND quận, huyện tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức làm việc tại UBND phường:

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng gửi Sở Nội vụ phê duyệt; tổ chức tuyển dụng và báo cáo Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng.

- Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị xử lý kỷ luật trong thời gian tập sự sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ.

### **Điều 10. Tiếp nhận vào làm công chức**

1. Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến bằng văn bản về việc thống nhất tiếp nhận vào làm công chức đối với các trường hợp theo quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và quyết định tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm các vị trí, chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tổ chức kiểm tra, sát hạch đối với các trường hợp tiếp nhận vào làm công chức theo quy định phải kiểm tra, sát hạch. Quyết định tiếp nhận vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc có văn bản đồng ý tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch UBND thành phố (đối với các trường hợp không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố).

b) Quyết định tiếp nhận vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc có văn bản đồng ý tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý đối với các trường hợp đã từng là cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên, sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

c) Quyết định tiếp nhận vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý sau khi đạt kết quả kiểm tra sát hạch hoặc có văn bản đồng ý tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý đối với các trường hợp là cán bộ phường và cán bộ, công chức xã.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

Quyết định bổ nhiệm đối với những trường hợp được tiếp nhận vào làm công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ tịch UBND thành phố hoặc của Giám đốc Sở Nội vụ.

## **Mục 2**

### **SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**

#### **Điều 11. Thẩm quyền trực tiếp quản lý, bố trí, phân công công tác**

1. Về thẩm quyền trực tiếp quản lý

a) Chủ tịch UBND thành phố trực tiếp quản lý;

- Giám đốc, phó giám đốc sở.

- Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND quận, huyện, huyện đảo.

b) Giám đốc sở trực tiếp quản lý:

- Công chức là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định của pháp luật chuyên ngành (trừ nội dung bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố).

- Công chức từ ngạch chuyên viên chính (tương đương) trở xuống (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố).

c) Chủ tịch UBND quận, huyện trực tiếp quản lý:

- Cán bộ, công chức là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định.

- Cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên chính (tương đương) trở xuống (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố).

- Công chức phường,

## 2. Bố trí, phân công công tác

Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện bố trí, phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với công chức là lãnh đạo sở, lãnh đạo UBND quận, huyện, công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp đang công tác tại cơ quan, đơn vị và công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý.

### **Điều 12. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý; từ chức, miễn nhiệm đối với công chức lãnh đạo, quản lý**

1. UBND thành phố quyết định ban hành quy định tiêu chuẩn, chức danh đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc sở; trưởng phòng, phó trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, huyện đảo.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND huyện; cử phụ trách đối với Chủ tịch UBND huyện trong trường hợp khuyết Chủ tịch UBND huyện giữa hai kỳ họp HĐND huyện.

b) Quyết định bổ nhiệm (kể cả giao quyền và cử phụ trách cơ quan, đơn vị), bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với các chức danh:

- Giám đốc, Phó Giám đốc sở; Chủ tịch UBND quận, Chủ tịch UBND huyện đảo, Phó Chủ tịch UBND quận, Phó Chủ tịch UBND huyện đảo.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các chi cục (ban) và công chức giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý do Trung ương quy định thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố.

- Kế toán trưởng các cơ quan được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quy định này.

c) Xem xét có ý kiến bằng văn bản đề Giám đốc sở quyết định bổ nhiệm người đứng đầu các chi cục (ban).

d) Cho phép cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý tham gia và giữ chức vụ người đứng đầu các tổ chức hội.

### 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Ra thông báo thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND quận, huyện đảo.

b) Thẩm định, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố trình Ban Cán sự Đảng UBND thành phố phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đối với các chức danh công chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban cán sự Đảng UBND thành phố quản lý.

c) Thẩm định, cho ý kiến về việc bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với người đứng đầu chi cục (ban) trực thuộc sở.

4. Giám đốc sở quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý. Riêng chức danh người đứng đầu các chi cục (ban), Giám đốc sở quyết định bổ nhiệm sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Cán sự đảng UBND thành phố hoặc lãnh đạo UBND thành phố.

### 5. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND quận, huyện

#### a) Chủ tịch UBND huyện quyết định

- Phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã; cử phụ trách đối với Chủ tịch UBND xã trong trường hợp khuyết Chủ tịch UBND xã giữa hai kỳ họp HĐND xã;

- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức đối với công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý.

b) Chủ tịch UBND quận quyết định bổ nhiệm (kể cả giao quyền và cử phụ trách cơ quan, đơn vị), bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý.

### **Điều 13. Điều động, luân chuyển, biệt phái, tiếp nhận cán bộ, công chức**

#### 1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, Chủ tịch UBND huyện đảo, Chủ tịch UBND huyện, Phó Chủ tịch UBND quận, Phó Chủ tịch UBND huyện đảo, Phó Chủ tịch UBND huyện.



b) Quyết định điều động, luân chuyển đối với công chức giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý do Trung ương quy định thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố đến công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố và đến công tác tại cơ quan Đảng, đoàn thể và các địa phương, đơn vị không thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố.

c) Bố trí, phân công công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố sau khi hết thời gian luân chuyển.

d) Cho ý kiến bằng văn bản về tiếp nhận công chức, viên chức công tác tại các địa phương, đơn vị ngoài thành phố về công tác tại các cơ quan hành chính trên địa bàn thành phố.

đ) Xem xét cho ý kiến trước khi Giám đốc Sở Nội vụ quyết định điều động đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp (không giữ các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố) đến công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố và đến công tác tại cơ quan Đảng, đoàn thể và các địa phương, đơn vị không thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố.

## 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái đối với cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên chính (tương đương) trở xuống (trừ cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố) từ sở, UBND quận, huyện này sang sở, UBND quận, huyện khác; từ cơ quan Đảng, đoàn thể đến sở, UBND quận, huyện và ngược lại.

b) Quyết định tiếp nhận công chức, viên chức công tác tại các địa phương, đơn vị ngoài thành phố về công tác tại các cơ quan hành chính thuộc UBND thành phố quản lý sau khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch UBND thành phố.

c) Quyết định điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố) đến công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố và đến công tác tại cơ quan Đảng, đoàn thể và các địa phương, đơn vị không thuộc UBND thành phố quản lý.

## 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở

a) Quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái đối với công chức giữa các cơ quan hành chính trong cùng sở.

b) Hằng năm ban hành kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý; sau khi thực hiện việc chuyển đổi, gửi văn bản báo cáo UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

c) Đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc đối với những người được tuyển dụng vào công chức sau khi hoàn thành chế độ tập sự theo quy định.

## 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Chủ tịch UBND quận quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý từ UBND quận về UBND phường và ngược lại;

giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận; giữa các phường thuộc quận; giữa các chức danh công chức phường trên cơ sở thẩm định của Trưởng phòng Nội vụ quận về các điều kiện, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, vị trí việc làm, số lượng biên chế.

b) Chủ tịch UBND huyện quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.

c) Hằng năm ban hành kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý; sau khi thực hiện việc luân chuyển, chuyển đổi, gửi văn bản báo cáo UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

#### **Điều 14. Quản lý ngạch công chức**

##### **1. Chuyển ngạch và xếp lương**

###### **a) Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố**

- Quyết định chuyển ngạch và xếp lương chuyên viên cao cấp (tương đương) khi cán bộ, công chức thay đổi vị trí việc làm sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

- Quyết định chuyển ngạch và xếp lương chuyên viên chính (tương đương) trở xuống đối với các chức danh: Phó Chủ tịch UBND thành phố và cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố (trừ Phó Chủ tịch UBND quận, huyện).

b) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định chuyển ngạch và xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên chính (tương đương) trở xuống (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố).

##### **2. Về nâng ngạch công chức**

###### **a) Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố**

- Báo cáo đề nghị Bộ Nội vụ phê duyệt nội dung Đề án và chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên (tương đương) lên ngạch chuyên viên chính (tương đương); phê duyệt chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên (tương đương) lên ngạch cán sự (tương đương), từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên (tương đương).

- Thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức; quyết định danh sách công chức có đủ các điều kiện tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức; quyết định tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức; công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi nâng ngạch của Hội đồng thi nâng ngạch công chức (đối với kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên chính (tương đương) trở xuống).

- Cử công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên cao cấp (tương đương).

- Quyết định phê duyệt kết quả xét nâng ngạch lên chuyên viên chính (tương đương), chuyên viên (tương đương) và cán sự (tương đương) đối với công chức đáp

ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP đối với công chức.

b) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định các nội dung liên quan về việc tổ chức thực hiện thi hoặc xét nâng ngạch công chức (trừ các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều này) và tham mưu tổ chức thực hiện thi nâng ngạch công chức.

c) Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện cử công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức lên ngạch cán sự, ngạch chuyên viên hoặc ngạch chuyên viên chính (tương đương); chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ của công chức được cử tham gia kỳ thi nâng ngạch lên cán sự (tương đương) hoặc lên chuyên viên (tương đương) hoặc lên chuyên viên chính (tương đương).

### 3. Về bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương

#### a) Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

- Quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với cán bộ, công chức đạt kết quả kỳ thi nâng ngạch hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch khi đã có thông báo nghỉ hưu từ ngạch chuyên viên chính (tương đương) lên ngạch chuyên viên cao cấp (tương đương) sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

- Quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với Phó Chủ tịch UBND thành phố và cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố (trừ phó chủ tịch UBND quận, huyện) đạt kết quả kỳ thi nâng ngạch hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch khi đã có thông báo nghỉ hưu từ ngạch chuyên viên (tương đương) lên ngạch chuyên viên chính (tương đương).

- Thông báo kết quả kỳ thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính (tương đương) trở lên đối với cán bộ thuộc HĐND thành phố quản lý để Thường trực HĐND thành phố ban hành quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương.

#### b) Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

- Quyết định các nội dung liên quan về tổ chức kỳ thi nâng ngạch lên cán sự, chuyên viên (tương đương) (trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố tại điểm a khoản này).

- Quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương đối với cán bộ, công chức đạt kết quả kỳ thi nâng ngạch hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch khi đã có thông báo nghỉ hưu từ ngạch chuyên viên (tương đương) lên ngạch chuyên viên chính (tương đương) (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố).

- Quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương đối với công chức đạt kết quả thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự (tương đương), từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên (tương đương).

#### 4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch Thanh tra

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch thanh tra viên cao cấp khi cán bộ, công chức thay đổi vị trí việc làm sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

b) Chủ tịch UBND thành phố quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch Thanh tra viên chính, Thanh tra viên khi công chức thay đổi vị trí việc làm.

c) Chủ tịch UBND thành phố quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức đạt kết quả kỳ thi nâng ngạch hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch khi đã có thông báo nghỉ hưu từ ngạch thanh tra viên lên ngạch thanh tra viên chính hoặc từ ngạch thanh tra viên chính lên ngạch thanh tra viên cao cấp sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ và Thanh tra Chính phủ.

#### **Điều 15. Đào tạo, bồi dưỡng**

1. UBND thành phố quyết định ban hành quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm, dài hạn.

2. Chủ tịch UBND thành phố quyết định cử cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền quy định.

3. Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đã được UBND thành phố phê duyệt. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

4. Giám đốc sở, chủ tịch UBND quận, huyện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của thành phố, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cử cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền và tổng hợp, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

#### **Điều 16. Chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức**

##### 1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp (tương đương).

b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với Phó Chủ tịch UBND thành phố và cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên chính (tương đương) trở xuống thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý theo quy định (trừ Phó Chủ tịch UBND quận, huyện).

##### 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với Phó Chủ tịch UBND quận, huyện.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc trong việc thực hiện chính sách, chế độ tiền lương, phụ cấp, sinh hoạt phí và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Thẩm định tỷ lệ, điều kiện, tiêu chuẩn và danh sách nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức trong đơn vị.

b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung; nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính trở xuống (trừ cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố).

c) Lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết chế độ, chính sách ưu đãi đối với đối tượng theo chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực công.

### **Điều 17. Đánh giá, xếp loại chất lượng, khen thưởng, kỷ luật**

1. Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức đối với người đứng đầu các sở và Chủ tịch UBND các quận.

Việc đánh giá, xếp loại chất lượng Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện thực hiện theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý cán bộ.

b) Giám đốc sở đánh giá, xếp loại chất lượng Phó Giám đốc sở, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trực thuộc và công chức của cơ quan, đơn vị được phân công quản lý; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đánh giá, xếp loại chất lượng công chức hàng năm.

c) Chủ tịch UBND quận đánh giá, xếp loại chất lượng phó chủ tịch UBND quận, công chức là người đứng đầu các cơ quan chuyên môn trực thuộc và chủ tịch UBND các phường thuộc quận.

Chủ tịch UBND huyện đánh giá, xếp loại chất lượng công chức là người đứng đầu các cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện.

d) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trực thuộc các sở, ban, ngành, trực thuộc UBND quận, huyện và Chủ tịch UBND phường đánh giá, xếp loại chất lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và công chức thuộc quyền quản lý.

đ) Trường hợp có quy định khác về thẩm quyền đánh giá thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức

a) Việc khen thưởng đối với công chức thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành và phân cấp quản lý cán bộ, công chức của thành phố.

b) Kỷ luật

- Chủ tịch UBND thành phố quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của Chủ tịch UBND thành phố.

- Giám đốc sở và Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định kỷ luật công chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, quản lý và sử dụng (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của Chủ tịch UBND thành phố).

### **Điều 18. Thôi việc và nghỉ hưu**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định nghỉ hưu, thôi việc và một số chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý.

b) Phê duyệt đề án và danh sách tinh giản biên chế của sở, ban, ngành, UBND quận, huyện.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

Xem xét có ý kiến trước khi các cơ quan, đơn vị quyết định thôi việc đối với công chức từ ngạch chuyên viên chính trở xuống (trừ cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố) và thôi việc đối với đối tượng theo chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực công.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở và Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Thông báo và quyết định nghỉ hưu đối với công chức ngạch chuyên viên chính trở xuống (trừ công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố).

b) Quyết định nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo chính sách tinh giản biên chế (sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND thành phố) và thôi việc (sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ) đối với công chức ngạch chuyên viên chính trở xuống (trừ công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố).

### **Điều 19. Chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ công chức**

1. Chế độ báo cáo, thống kê

a) Sở Nội vụ thực hiện báo cáo về số lượng, chất lượng, tuyển dụng, quản lý, sử dụng, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại chất lượng, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức theo quy định và các báo cáo chuyên đề, đột xuất khác.

b) Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

- Thực hiện báo cáo về số lượng, chất lượng, tuyển dụng, quản lý, sử dụng, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại chất lượng, chuyển đổi

vị trí công tác đối với cán bộ, công chức theo quy định và các báo cáo chuyên đề, đột xuất khác.

- Vào tháng 01 hàng năm báo cáo Sở Nội vụ về chỉ tiêu, danh sách cán bộ, công chức đủ điều kiện xét nâng bậc lương trước thời hạn trong năm và danh sách đã thực hiện nâng bậc lương trước hạn trong năm trước liền kề.

2. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức và phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức

a) Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

- Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của Chủ tịch UBND thành phố.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý hồ sơ đối với cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, quản lý việc sử dụng Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

- Lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý theo quy định.

- Thực hiện cập nhật Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và gửi về Sở Nội vụ các quyết định liên quan đến những biến động trong quá trình quản lý, sử dụng cán bộ, công chức như điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho từ chức, luân chuyển, biệt phái, chuyển ngạch, nâng ngạch, thực hiện chính sách tiền lương, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chậm nhất 05 (năm) ngày kể từ ngày ban hành quyết định để theo dõi, tổng hợp.

3. Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nội dung khác

a) Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

- Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về cán bộ, công chức trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Cán bộ, công chức.

- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, việc thực hiện chế độ, chính sách và cơ cấu ngạch công chức theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý những vi phạm về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác nội vụ và các lĩnh vực khác được giao đối với các sở, UBND quận, huyện.

- Cấp mã số thẻ cho cán bộ, công chức. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng thẻ đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của UBND thành phố.

b) Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

- Lập thủ tục trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố các nội dung quy định thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) và đề nghị Sở Nội vụ giải quyết các nội dung quy định thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ.

- Thanh tra, kiểm tra các đơn vị thuộc và trực thuộc việc thi hành các quy định của pháp luật về công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý và các chế độ, chính sách đối với công chức. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Căn cứ trách nhiệm, thẩm quyền được giao tại Quy định này, xây dựng, ban hành và gửi về UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) quyết định phân cấp quản lý cho các chi cục thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý đối với một số nội dung quản lý công chức theo quy định của pháp luật.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp và áp dụng quyết định này đối với đối tượng khác**

1. Đối với các trường hợp là hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính theo đúng quy định của pháp luật thì áp dụng Bộ Luật lao động và các văn bản thi hành Bộ Luật lao động.

2. Đối với Chủ tịch HĐND huyện là đại biểu hoạt động chuyên trách thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ quyết định về thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác.

3. Đối với Phó Chủ tịch HĐND huyện là đại biểu hoạt động chuyên trách thì Giám đốc Sở Nội vụ quyết định về thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác.

4. Đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban HĐND huyện là đại biểu hoạt động chuyên trách thì Chủ tịch UBND huyện quyết định về thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác

5. Việc áp dụng quy định này đối với đối tượng khác được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

### **Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc sở, Chủ tịch UBND các quận, huyện và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện, triển khai Quy định này đến cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân cấp, phân quyền.



3. Trường hợp các quy định được viện dẫn trong Quy định này có bổ sung, sửa đổi hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để theo dõi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương hoặc trường hợp các quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của cơ quan có thẩm quyền thay đổi thì thực hiện theo các nội dung được thay đổi./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2021/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 8 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6*

*năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 2364/TTr-SNV ngày 30 tháng 7 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, ban hành văn bản hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2021 và thay thế Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố Đà Nẵng quản lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Lê Trung Chinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

### **Chương I**

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Đà Nẵng quản lý.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Về tổ chức bộ máy

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng và các cơ quan hành chính tương đương khác thuộc UBND thành phố (gọi chung là đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các quận, huyện;

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý gồm: Chủ tịch UBND thành phố, Giám đốc Sở (và tương đương), Chủ tịch UBND quận, huyện, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, trực thuộc sở, trực thuộc UBND quận, huyện, trực thuộc chi cục.

3. Về viên chức: Viên chức theo quy định của Luật Viên chức và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY**

#### **Điều 3. Thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập**

##### **1. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND thành phố**

a) Xây dựng Đề án trình Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành.

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục.

##### **2. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố**

Phê duyệt phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có) thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và tự chủ một phần chi thường xuyên trong cơ cấu tổ chức đã được UBND thành phố quy định.

##### **3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ**

a) Thẩm định, trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

b) Tham mưu UBND thành phố xây dựng đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

c) Có ý kiến thẩm định về chỉ tiêu số lượng người làm việc đối với đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền của UBND quận, huyện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

##### **4. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở**

a) Xây dựng và trình UBND thành phố quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và trực thuộc chi cục.

b) Phê duyệt phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên các phòng, bộ phận chuyên môn thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và tự chủ một phần chi thường xuyên theo quy định hiện hành về cơ cấu tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

##### **5. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND quận, huyện**

a) Xây dựng đề án và trình UBND thành phố: quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền của UBND thành phố theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

b) Quyết định thành lập (sau khi có ý kiến thẩm định về chỉ tiêu số lượng người làm việc của Sở Nội vụ), tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND quận, huyện.

c) Phê duyệt phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, bộ phận chuyên môn thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND quận, huyện.

#### 6. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

##### a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố

- Trình UBND thành phố phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp (nếu có), phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên).

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có) theo phương án được UBND thành phố phê duyệt.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, trực thuộc chi cục; trực thuộc UBND quận, huyện

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên): Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các bộ phận, tổ chức trực thuộc (trừ những đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên theo quy định của pháp luật hiện hành);

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên): Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các bộ phận, tổ chức trực thuộc theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; ban hành quy chế tổ chức hoạt động**

##### 1. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND thành phố

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

##### 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục.

##### 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

Thẩm định, trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

#### 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở

Xây dựng và trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định quy định, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và trực thuộc chi cục.

#### 5. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND quận, huyện

Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND quận, huyện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, theo phân cấp quản lý và theo quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

#### 6. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

##### a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố:

- Trình UBND thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị;

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có);

- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định của pháp luật.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, trực thuộc chi cục; trực thuộc UBND quận, huyện: Quy định chức năng, nhiệm vụ các bộ phận, tổ chức trực thuộc; ban hành Quy chế hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.

### **Điều 5. Thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập**

#### 1. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND thành phố

Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

#### 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các đơn vị sự nghiệp công lập khác do Ủy ban nhân dân cấp thành phố quyết định.

#### 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

Thẩm định, trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND

quận, huyện và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố

Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, ban hành Quy chế hoạt động; bổ nhiệm, điều chỉnh thành viên Hội đồng quản lý tại đơn vị sự nghiệp công lập (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố) và các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc thẩm quyền quản lý.

### **Điều 6. Xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố hoặc UBND quận, huyện theo quy định của pháp luật chuyên ngành),

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

Thẩm định, trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**Điều 7. Căn cứ xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp**

Việc xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

### **Điều 8. Về quản lý vị trí việc làm**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Báo cáo Bộ Nội vụ về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của thành phố.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu, thẩm định, trình Chủ tịch UBND thành phố các nội dung về vị trí việc làm theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc các sở, Chủ tịch UBND các quận, huyện.



b) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng vị trí việc làm; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý những vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Thẩm định, tổng hợp Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Báo cáo định kỳ, đột xuất về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, sở, UBND quận, huyện

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ (gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên): Quyết định phê duyệt vị trí việc làm của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý (nếu có) thông qua.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ (gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố: Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm báo cáo UBND thành phố xem xét phê duyệt;

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện: Xây dựng Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm trình cơ quan chủ quản tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình sử dụng vị trí việc làm cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## **Điều 9. Về quản lý số lượng người làm việc**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của UBND thành phố

a) Trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ.

b) Quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân cấp thành phố phê duyệt.

c) Quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

d) Báo cáo Bộ Nội vụ về kế hoạch số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập hàng năm và tình hình thực hiện số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố.

## 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Chỉ đạo các sở, UBND quận, huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố xây dựng Kế hoạch số lượng người làm việc.

b) Quyết định điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý trong tổng số chỉ tiêu UBND thành phố giao.

## 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

Tham mưu, thẩm định, trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố các nội dung về số lượng người làm việc theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Giám đốc các sở, Chủ tịch UBND các quận, huyện, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố

## 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xây dựng, tổng hợp kế hoạch số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thông báo số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quyết định phân bổ của UBND thành phố.

c) Báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## 5. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, sở, UBND quận, huyện

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ (gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên): Quyết định số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở hướng dẫn định mức của cơ quan có thẩm quyền (nếu có), bảo đảm việc làm ổn định và thu nhập cho số lượng người làm việc tăng thêm (thông qua Hội đồng quản lý trước khi quyết định).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ (gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố: Xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm, báo cáo UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ);

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện: Xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm, trình cơ quan chủ quản tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ VIÊN CHỨC**

#### **Mục 1**

#### **TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

#### **Điều 10. Tuyển dụng viên chức (thi tuyển và xét tuyển)**

##### **1. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ**

a) Quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng (thi tuyển hoặc xét tuyển), kết quả tuyển dụng viên chức hoặc hủy kết quả tuyển dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (trừ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ và tiếp nhận viên chức để bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố);

b) Hướng dẫn công tác tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập; kiểm tra, giám sát theo dõi việc tuyển dụng viên chức.

##### **2. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố**

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ: Người đứng đầu đơn vị quyết định ban hành kế hoạch tuyển dụng; thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát; tổ chức thực hiện việc tuyển dụng và công nhận kết quả tuyển dụng viên chức theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo kế hoạch, quy trình tổ chức tuyển dụng và kết quả tuyển dụng về UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để theo dõi, kiểm tra việc tuyển dụng viên chức theo quy định.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức và đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt kế hoạch tuyển dụng; thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát; tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo quy định và báo cáo đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức.

##### **3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện**

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ có đủ điều kiện tổ chức tuyển dụng (đủ điều kiện thành lập Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng theo quy định): Người đứng đầu đơn vị quyết định ban hành kế hoạch; thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát; tổ chức thực hiện việc tuyển dụng và công nhận kết quả tuyển dụng viên chức theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện tuyển dụng; báo cáo kế hoạch, quy trình tổ chức tuyển dụng và kết quả tuyển dụng về sở, UBND quận, huyện để theo dõi, kiểm tra việc tuyển dụng viên chức theo quy định.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ nhưng không đủ điều kiện tổ chức tuyển dụng (do không đủ điều kiện thành lập Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng theo quy định): Sở, UBND quận, huyện chủ trì ban hành kế hoạch, thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát; tổ chức thực hiện việc tuyển dụng và công nhận kết quả tuyển dụng viên chức theo quy định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện tổ chức tuyển dụng: Sở, UBND quận, huyện hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thẩm định và đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt kế hoạch tuyển dụng; thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát; theo dõi việc tổ chức tuyển dụng của đơn vị; thẩm định và báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức để Sở Nội vụ phê duyệt theo quy định;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập không đủ điều kiện tổ chức tuyển dụng: Sở, UBND quận, huyện chủ trì xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đề nghị Sở Nội vụ phê duyệt kế hoạch; thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát; tổ chức tuyển dụng và báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức để Sở Nội vụ phê duyệt theo quy định.

## **Điều 11. Tiếp nhận vào viên chức**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

Quyết định phê duyệt kết quả tiếp nhận vào làm viên chức hoặc thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận vào làm viên chức (đối với trường hợp tiếp nhận để bổ nhiệm chức danh quản lý) trước khi các cơ quan, đơn vị bổ nhiệm viên chức quản lý theo thẩm quyền quy định.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố

Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để rà soát các trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức; thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch (nếu có); thẩm định hồ sơ; tổ chức kiểm tra, sát hạch (nếu có) và báo cáo đề nghị Sở Nội vụ xem xét theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND quận, huyện

Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để rà soát các trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch (nếu có); thẩm định hồ sơ; tổ chức kiểm tra, sát hạch (nếu có) và báo cáo đề nghị Sở Nội vụ xem xét theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trách nhiệm, quyền hạn Giám đốc sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thẩm quyền tuyển dụng: Sở hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để rà soát các trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức, thành lập Hội đồng kiểm tra,

sát hạch (nếu có); thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra, sát hạch (nếu có) và báo cáo đề nghị Sở Nội vụ xem xét theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao thẩm quyền tuyển dụng: Sở chủ trì rà soát các trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức; thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch (nếu có); thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra, sát hạch (nếu có) và báo cáo đề nghị Sở Nội vụ xem xét theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 12. Quyết định tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức; ký kết hợp đồng làm việc; tập sự, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp**

### **1. Quyết định tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức**

Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố quản lý theo thẩm quyền tuyển dụng viên chức thực hiện các nội dung sau:

a) Quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển viên chức theo kết quả tuyển dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với trường hợp không phải thực hiện chế độ tập sự hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người đã được tuyển dụng vào viên chức sau khi có ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng tuyển;

b) Quyết định tiếp nhận vào làm viên chức hoặc bổ nhiệm chức vụ viên chức quản lý đối với những trường hợp được tiếp nhận vào làm viên chức để bổ nhiệm sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

### **2. Ký kết hợp đồng làm việc**

a) Chủ tịch UBND thành phố ký kết, thay đổi, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức giữ chức vụ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố;

b) Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện ký kết, thay đổi, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức giữ chức vụ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ký kết, thay đổi, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức là cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

### **3. Tập sự, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức**

a) Đơn vị sự nghiệp công lập phân công người hướng dẫn tập sự; thực hiện chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự;

b) Quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị giám đốc sở, chủ tịch UBND quận, huyện quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức sau khi hết thời gian tập sự hoặc hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người không đạt kết quả tập sự.

## **Mục 2**

## SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

### **Điều 13. Bố trí, phân công công tác**

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm bố trí và phân công công tác, giao nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ; thực hiện chế độ, chính sách theo quy định đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

### **Điều 14. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu**

#### 1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định bổ nhiệm (kể cả cử quyền và phụ trách cơ quan, đơn vị), bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức danh sau:

- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố;

- Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở mà văn bản pháp luật chuyên ngành quy định thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố.

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm kế toán trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố theo quy định;

c) Quyết định cho phép viên chức thuộc thẩm quyền quản lý tham gia giữ chức vụ người đứng đầu các tổ chức hội;

d) Xem xét có ý kiến đề Giám đốc sở quyết định bổ nhiệm một số viên chức là người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở theo quy định riêng của UBND thành phố.

#### 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Giám đốc Sở Nội vụ ra thông báo thực hiện việc xem xét bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Thẩm định, cho ý kiến về việc bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở.

#### 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Quyết định bổ nhiệm (kể cả cử quyền và phụ trách cơ quan, đơn vị), bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức danh sau:

- Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện;

- Cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện.

Riêng đối với người đứng đầu một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, giám đốc sở (tương đương) quyết định bổ nhiệm sau khi có ý kiến của Ban Cán sự đảng UBND thành phố hoặc Chủ tịch UBND thành phố.

b) Thông báo việc xem xét bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm theo quy định.

4. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, sở, UBND quận, huyện

a) Quyết định bổ nhiệm (kể cả cử quyền và phụ trách cơ quan, đơn vị), bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức là lãnh đạo cấp phòng (tương đương) thuộc đơn vị; cấp trường, cấp phó các đơn vị trực thuộc.

b) Thông báo việc xem xét bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm theo quy định.

### **Điều 15. Thay đổi vị trí việc làm, biệt phái, tiếp nhận, chuyển công tác**

1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định thay đổi vị trí việc làm, biệt phái, tiếp nhận, chuyển công tác đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố.

b) Xem xét có ý kiến trước khi các đơn vị chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I (không giữ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố) chuyển đến công tác tại các cơ quan, đơn vị không thuộc UBND thành phố quản lý.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Xem xét có ý kiến thay đổi vị trí việc làm, chuyển công tác, tiếp nhận công tác đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập từ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện này sang đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện khác (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm hoặc có ý kiến bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố);

b) Xem xét có ý kiến đề các cơ quan, đơn vị quyết định tiếp nhận công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị không thuộc UBND thành phố quản lý về công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ; đối với việc tiếp nhận giáo viên phải có ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố);

c) Xem xét có ý kiến cho tiếp nhận và chuyển công tác đối với đối tượng thu hút và đào tạo theo Chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực công từ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, sở, UBND quận, huyện này

sang đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, sở, UBND quận, huyện khác;

d) Xem xét có ý kiến trước khi các đơn vị quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đề chuyên đến công tác tại các cơ quan, đơn vị không thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố đối với viên chức là đối tượng thu hút và đào tạo theo Chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực công.

### 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Quyết định thay đổi vị trí việc làm, biệt phái, tiếp nhận, chuyển công tác đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện (riêng việc thay đổi vị trí việc làm, tiếp nhận, chuyển công tác đối với người đứng đầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này quyết định sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ).

b) Quyết định tiếp nhận và bố trí công tác đối với công chức, viên chức không thuộc UBND thành phố quản lý về công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ (sau khi có ý kiến đồng ý của Giám đốc Sở Nội vụ theo quy định);

c) Quyết định biệt phái viên chức thuộc thẩm quyền theo thẩm quyền quy định;

d) Xem xét có ý kiến chuyển công tác và tiếp nhận viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập trong cùng sở, UBND quận, huyện;

đ) Xem xét có ý kiến tiếp nhận đối với viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, UBND quận, huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố về công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Xem xét có ý kiến chuyển công tác đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các trường hợp chuyển công tác theo quy định phải có ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố và Giám đốc Sở Nội vụ).

### 4. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố

Quyết định thay đổi vị trí việc làm, biệt phái, tiếp nhận, chuyển công tác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các trường hợp theo quy định phải có ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ).

### 5. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện

Quyết định thay đổi vị trí việc làm, biệt phái, tiếp nhận, chuyển công tác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các trường hợp phải có ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, giám đốc sở, chủ tịch UBND quận, huyện).

## **Điều 16. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

### 1. Xét thăng hạng đặc cách



a) Chủ tịch UBND thành phố công nhận kết quả xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp theo quy định;

b) Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện lập thủ tục, hồ sơ theo quy định trình Chủ tịch UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

## 2. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành tổ chức;

b) Chủ tịch UBND thành phố quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp hạng I đối với viên chức đạt kết quả thi, xét thăng hạng hoặc đối với trường hợp đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng khi đã có thông báo nghỉ hưu sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

## 3. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định các nội dung:

- Báo cáo đề nghị Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II;

- Thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng; quyết định tổ chức kỳ thi hoặc xét thăng hạng;

- Quyết định công nhận kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II;

- Cử viên chức đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành tổ chức;

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp hạng II đối với người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố đã trúng tuyển kỳ thi, xét thăng hạng hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng khi đã có thông báo nghỉ hưu.

b) Giám đốc Sở Nội vụ

- Tham mưu thẩm định, trình Chủ tịch UBND thành phố các nội dung đề án thi hoặc xét thăng hạng; công nhận kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp hạng II đối với viên chức đã trúng tuyển kỳ thi, xét thăng hạng hoặc đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II khi đã có thông báo nghỉ hưu (trừ viên chức là người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố).

c) Giám đốc sở thực hiện các nội dung sau:

- Tổng hợp chỉ tiêu, danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc

UBND thành phố, trực thuộc sở, ngành và UBND quận, huyện có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý);

- Xây dựng đề án thi hoặc xét thăng hạng, báo cáo UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để thẩm định nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng;

- Sau khi được Bộ Nội vụ thống nhất về chỉ tiêu và nội dung đề án, chủ trì tham mưu Chủ tịch UBND thành phố thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng; tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng phương án bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp hạng II đối với viên chức đã trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng để đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ (hoặc Chủ tịch UBND thành phố) ban hành quyết định.

Trường hợp các Bộ, ngành chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, các sở có trách nhiệm chủ trì triển khai đến các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; tổng hợp danh sách đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi hoặc xét thăng hạng; báo cáo Chủ tịch UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) đề cử dự thi hoặc xét thăng hạng do các Bộ, ngành tổ chức theo quy định.

#### 4. Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng IV và hạng III

##### a) Đối với Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

- Giám đốc sở chủ trì tổng hợp nhu cầu thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc UBND thành phố, trực thuộc sở, ngành và UBND quận, huyện có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý). Chủ tịch UBND quận, huyện chủ trì tổng hợp nhu cầu thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức ngành giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

- Xây dựng Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chỉ tiêu thi hoặc xét thăng hạng để gửi Sở Nội vụ phê duyệt;

- Thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả về Sở Nội vụ để công nhận kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định;

- Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển theo kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng IV và hạng III.

b) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định phê duyệt đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng IV và hạng III; quyết định phê duyệt kết quả tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng IV và hạng III.

#### **Điều 17. Xét chuyển chức danh nghề nghiệp**

### 1. Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp tương đương với chức danh nghề nghiệp hạng I;

b) Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố;

### 2. Giám đốc Sở Nội vụ

a) Quyết định xét chuyển sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng với chức danh nghề nghiệp hạng II đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ viên chức là người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố);

b) Quyết định xét chuyển sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng đối với cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

3. Giám đốc sở quyết định hoặc phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định xét chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng với chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định xét chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng với chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

### **Điều 18. Đào tạo, bồi dưỡng**

1. UBND thành phố quyết định ban hành quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm, dài hạn.

2. Chủ tịch UBND thành phố quyết định cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền quy định.

3. Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức đã được UBND thành phố phê duyệt.

4. Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cử viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền và tổng hợp, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

### **Điều 19. Nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn**

#### 1. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch UBND thành phố

a) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố;

b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I.

## 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

## 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

a) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của giám đốc sở, chủ tịch UBND quận, huyện;

b) Thẩm định tỷ lệ, điều kiện, tiêu chuẩn, danh sách nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định (trừ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ); quyết định hoặc phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý (trừ viên chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ thì lập thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định theo quy định).

4. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố

a) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (trừ người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ).

b) Thực hiện nội dung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

5. Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ: Thực hiện nội dung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý (trừ viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của giám đốc sở, chủ tịch UBND quận, huyện);

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ: Quyết định theo phân cấp quản lý việc nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý (trừ viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của giám đốc sở, chủ tịch UBND quận, huyện).

## **Điều 20. Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, khen thưởng, xử lý kỷ luật**

### 1. Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức

a) Chủ tịch UBND thành phố đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố đánh giá, xếp loại viên chức đối với cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức đối với người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện;

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện có trách nhiệm tổ chức việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức đối với cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

## 2. Khen thưởng

Việc khen thưởng đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành.

## 3. Xử lý kỷ luật

a) Chủ tịch UBND thành phố thực hiện thủ tục xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố;

b) Giám đốc sở, chủ tịch UBND quận, huyện thực hiện thủ tục xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của giám đốc sở, UBND quận, huyện;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, trực thuộc sở, trực thuộc UBND quận, huyện quyết định kỷ luật viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

## **Điều 21. Thôi việc và nghỉ hưu**

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định thôi việc, thông báo nghỉ hưu và quyết định nghỉ hưu đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

2. Giám đốc Sở Nội vụ xem xét có ý kiến trước khi các đơn vị quyết định thôi việc đối với viên chức là đối tượng thu hút và đào tạo theo Chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực công.

3. Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định thôi việc, thông báo nghỉ hưu và quyết định nghỉ hưu đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố, trực thuộc sở, trực thuộc UBND quận, huyện quyết định thôi việc, thông báo nghỉ hưu và nghỉ hưu đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

## **Điều 22. Chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ viên chức**

1. Chế độ báo cáo, thống kê

a) Sở Nội vụ thực hiện báo cáo về số lượng, chất lượng, tuyển dụng, quản lý, sử dụng, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại chất lượng, chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức theo quy định và các báo cáo chuyên đề, đột xuất khác.

b) Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện

- Thực hiện báo cáo về số lượng, chất lượng, tuyển dụng, quản lý, sử dụng, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp loại chất lượng, chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức theo quy định và các báo cáo chuyên đề, đột xuất khác.

- Vào tháng 01 hàng năm báo cáo Sở Nội vụ về chỉ tiêu, danh sách viên chức đủ điều kiện xét nâng bậc lương trước thời hạn trong năm và danh sách đã thực hiện nâng bậc lương trước hạn trong năm trước liền kề.

2. Quản lý hồ sơ viên chức và Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức

a) Giám đốc Sở Nội vụ

- Lập, quản lý hồ sơ đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý hồ sơ đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, quản lý việc sử dụng Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

b) Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố quản lý

- Lập, quản lý hồ sơ viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

- Thực hiện cập nhật Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và gửi về Sở Nội vụ các quyết định liên quan đến những biến động trong quá trình quản lý, sử dụng viên chức chậm nhất 05 (năm) ngày kể từ ngày ban hành quyết định để theo dõi, tổng hợp.

3. Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nội dung khác

a) Giám đốc Sở Nội vụ

- Tham mưu các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố;

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; việc thực hiện chế độ, chính sách và công tác quản lý hồ sơ đối với viên chức theo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; việc thực hiện chế độ, chính sách và công tác quản lý hồ sơ đối với viên chức theo quy định của pháp luật;

- Cấp mã số thẻ đối với viên chức; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng thẻ đối với viên chức.

b) Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố

- Lập thủ tục trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố các nội dung quy định thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) và đề nghị Sở Nội vụ giải quyết các nội dung quy định thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

- Giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện thanh tra, kiểm tra các đơn vị thuộc và trực thuộc việc thi hành các quy định của pháp luật về công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý và các chế độ, chính sách đối với viên chức;

- Căn cứ trách nhiệm, thẩm quyền được giao tại Quy định này, Giám đốc Sở quyết định phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở; Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND quận, huyện.

c) Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, UBND quận, huyện

- Lập thủ tục trình sở, UBND quận, huyện các nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp trên;

- Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung theo phân cấp của giám đốc sở, Chủ tịch UBND quận, huyện;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định; báo cáo định kỳ, đột xuất việc thực hiện các quy định của pháp luật về việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý và các chế độ, chính sách đối với viên chức theo phân cấp.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các trường hợp là hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định của pháp luật thì áp dụng Bộ Luật lao động và các văn bản thi hành Bộ Luật lao động.

#### **Điều 24. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc sở, Chủ tịch UBND các quận, huyện; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân quyền, phân cấp.

2. Trường hợp các quy định được viện dẫn trong Quy định này có bổ sung, sửa đổi hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để theo dõi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương hoặc trường hợp các quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của cơ quan có thẩm quyền thay đổi thì thực hiện theo các nội dung được thay đổi./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2021/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục công trình theo chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 3079/TTr-SNN ngày 11 tháng 8 năm 2021 và kết quả biểu quyết của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp Ủy ban nhân dân ngày 20 tháng 8 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình theo cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ và chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của thành phố Đà Nẵng.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định hỗ trợ này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có dự án, phương án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đáp ứng các điều kiện theo quy định của chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ và Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

## **Điều 2. Định mức hỗ trợ và nguyên tắc thực hiện**

### **1. Nội dung, định mức hỗ trợ**

Nội dung, định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục công trình được quy định chi tiết theo phụ lục đính kèm.

### **2. Nguyên tắc thực hiện**

a) Các định mức hỗ trợ đối với các hạng mục, công trình theo quy định này là định mức tối đa để các cơ quan chuyên môn thẩm tra hồ sơ hỗ trợ đầu tư, tính toán giá trị nghiệm thu hạng mục, toàn bộ dự án cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhưng tổng mức hỗ trợ của toàn bộ dự án không vượt quá mức hỗ trợ tối đa của mỗi chính sách hỗ trợ.

b) Trường hợp doanh nghiệp đầu tư các hạng mục, công trình có tiêu chuẩn hoặc giá trị thấp hơn theo quy định này thì áp dụng theo tiêu chuẩn và giá trị thực tế đó; trường hợp tiêu chuẩn hoặc giá trị cao hơn quy định này thì áp dụng định mức hỗ trợ tại quy định này.

c) Các hạng mục, công trình không có quy định trong định mức này thì áp dụng theo mức hỗ trợ đầu tư thực tế tại thời điểm triển khai dự án và giá trị nghiệm thu thực tế để tính mức hỗ trợ nhưng không vượt mức hỗ trợ tối đa của mỗi chính sách hỗ trợ.

d) Trong quá trình thực hiện định mức hỗ trợ kèm theo Quyết định này, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2021.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Hồ Kỳ Minh**

**Phụ lục****ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TỪNG HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH THEO CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG***(Ban hành kèm Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Suất đầu tư (1.000đ)
<b>1</b>	<b>Hệ thống điện</b>		
a	Trạm biến áp trong nhà (có cấp điện áp 22KV/0,4KV, công suất 2x1000KVA)	KVA	1.420
b	Trạm biến áp ngoài trời (có cấp điện áp 22KV/0,4KV, có công suất 560KVA)	KVA	2.920
<b>2</b>	<b>Hệ thống đường giao thông</b>		
a	Nền đường rộng 6,5m, mặt đường rộng 3,5m, lề rộng 2x1,5m, mặt đường láng nhựa tiêu chuẩn 3kg/m <sup>2</sup> , trên lớp mỏng cấp phối đá dăm hoặc đá dăm tiêu chuẩn (đường cấp IV)	1 m <sup>2</sup>	5.270
b	Giá xây dựng bộ phận tổng hợp kết cấu công trình (mặt đường bê tông xi măng mác 350, móng cấp phối đá dăm dày 15cm)	1 m <sup>2</sup>	1.227
<b>3</b>	<b>San lấp mặt bằng</b>		
a	Đào, đắp đất	1 m <sup>3</sup>	10
b	Đào, đắp đá	1 m <sup>3</sup>	50
c	Nền bê tông các loại	1 m <sup>2</sup>	300
<b>4</b>	<b>Nhà xưởng, nhà kho, kho đông lạnh</b>		
a	Nhà 1 tầng, khẩu độ 12m, cao ≤6m, cột kèo thép, tường gạch, mái tôn, không có cầu trục	1 m <sup>2</sup>	2.390
b	Nhà 1 tầng, khẩu độ 15m, cao ≤9m, có cầu trục 5 tấn, cột kèo thép liên nhịp, tường gạch, mái tôn, không có cầu trục	1 m <sup>2</sup>	3.360
c	Nhà 1 tầng, khẩu độ 15m, cao 9m, cột kèo thép liên nhịp, tường gạch, mái tôn, có cầu trục 5 tấn	1 m <sup>2</sup>	4.320
d	Kho lương thực, khung thép, sàn gỗ hay bê tông, mái tôn (sức chứa <500 tấn)	1 m <sup>2</sup>	2.820
đ	Kho lương thực sức chứa chuyên dụng loại lớn (sức chứa 1.500 tấn)	1 m <sup>2</sup>	2.890

e	Kho lạnh sức chứa 100 tấn	1 m <sup>2</sup>	8.110
g	Kho lạnh sức chứa 300 tấn	1 m <sup>2</sup>	10.310
<b>5</b>	<b>Xử lý môi trường, nước thải, cấp thoát nước</b>		
a	Bể lắng, bể sục khí	1 m <sup>3</sup>	2.000
b	Hồ chứa nước	1 m <sup>3</sup>	50
c	Đường ống chính (có đường kính tối thiểu 50mm)	1 m	100
d	Máy bơm	1 m <sup>3</sup> /giờ	1.000
đ	Bể chứa	1 m <sup>3</sup>	2.000
<b>6</b>	<b>Xây dựng đồng ruộng, xây dựng khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, tiên tiến</b>		
a	Khai hoang	1 ha	5.000
b	Đường nội đồng (mặt đường BTXM)	1 m <sup>2</sup>	200
c	Nhà kính, nhà lưới, nhà màng	1 m <sup>2</sup>	300
d	Nhà sản xuất nấm	1 m <sup>2</sup>	100
đ	Tưới phun, tưới nhỏ giọt, hệ thống tưới tiết kiệm	1 m <sup>2</sup>	30
<b>7</b>	<b>Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất</b>	Thiết bị	
a	Nhập từ các nước phát triển	1 tấn	100.000
b	Nhập từ nước khác	1 tấn	65.000
c	Sản xuất tại Việt Nam	1 tấn	70.000
<b>8</b>	<b>Xây dựng hạ tầng nuôi trồng thủy sản</b>		
a	Xây dựng hạ tầng ao nuôi, cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường cho nuôi trồng thủy sản tập trung	1 ha	200.000
b	Cải tạo hạng tầng, thiết bị, xử lý môi trường, áp dụng công nghệ Cao (5000m <sup>2</sup> trở lên).	m <sup>2</sup>	30

Ghi chú:

1. Suất đầu tư là mức chi phí cần thiết để đầu tư xây dựng hạng mục, công trình của dự án.

2. Định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình được tính bằng suất đầu tư nhân với tỷ lệ phần trăm hỗ trợ theo quy định tại chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2021/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 9 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 26/3/2021**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Công văn số 72/HĐND-KTNS ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 65/TTr-STC ngày 05 tháng 8 năm 2021, Công văn số 3438/STC-GCS ngày 46 tháng 9 năm 2021 về việc bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và trên cơ sở ý kiến kết luận của UBND thành phố tại phiên họp UBND thành phố thường kỳ ngày 20 tháng 8 năm 2021 (Thông báo số 450/TB-VP ngày 27/8/2021 của Văn phòng UBND thành phố).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quy định tại Điều 3 Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng

cho năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục IA, IIA, IIIA kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Trưởng phòng Tài chính - kế hoạch các quận, huyện; Chi cục trưởng Chi cục Thuế các quận, huyện; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Hồ Kỳ Minh**

**Phụ lục IA: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC ĐƯỜNG MỚI ĐẶT TÊN VÀ CÁC ĐƯỜNG BỔ SUNG VỊ TRÍ 2,3,4,5 (ĐẤT TẠI ĐÔ THỊ)**

*(Kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Stt	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất 2021														
		Đất ở					Đất thương mại dịch vụ					Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp				
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3 VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	
1	<b>Bình An 7</b>															
	- Đoạn 5,5m	1,1					1,1					1,1				
	- Đoạn 7,5m	1,0					1,0					1,0				
2	<b>Cồn Dầu 14</b>	1,1					1,1					1,1				
3	<b>Cồn Dầu 15</b>	1,1					1,1					1,1				
4	<b>Cồn Dầu 16</b>	1,1					1,1					1,1				
5	<b>Cồn Dầu 17</b>	1,1					1,1					1,1				
6	<b>Cồn Dầu 18</b>	1,1					1,1					1,1				
7	<b>Cồn Dầu 19</b>	1,1					1,1					1,1				
8	<b>Cồn Dầu 20</b>	1,1					1,1					1,1				
9	<b>Cồn Dầu 21</b>	1,1					1,1					1,1				
10	<b>Cồn Dầu 22</b>	1,1					1,1					1,1				
11	<b>Cồn Dầu 23</b>	1,1					1,1					1,1				
12	<b>Cồn Dầu 24</b>	1,1					1,1					1,1				
13	<b>Chế Viết Tấn</b>	1,1					1,1					1,1				
14	<b>Đại An 5</b>	1,1					1,1					1,1				
15	<b>Đỗ Quý</b>	1,1					1,1					1,1				
16	<b>Hòa Minh 24</b>	1,2					1,2					1,2				
17	<b>Hòa Minh 25</b>	1,2					1,2					1,2				
18	<b>Hòa Minh 26</b>	1,2					1,2					1,2				
19	<b>Hòa Minh 27</b>	1,2					1,2					1,2				
20	<b>Hòa Minh 28</b>	1,2					1,2					1,2				
21	<b>Hòa Minh 29</b>	1,2					1,2					1,2				
22	<b>Hòa Minh 30</b>	1,2					1,2					1,2				
23	<b>Hòa Phú 1</b>															
	- Đoạn 7,5m	1,2					1,2					1,2				
	- Đoạn 5,5m	1,2					1,2					1,2				
24	<b>Hòa Phú 2</b>	1,2					1,2					1,2				







**PHỤ LỤC II: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT CÁC ĐƯỜNG MỚI ĐẶT TÊN  
(ĐẤT TẠI NÔNG THÔN)**

*(Kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Stt	Tên đường phố	Hệ số điều chỉnh giá đất 2021														
		Đất ở					Đất thương mại dịch vụ					Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp				
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5
1	Bàu Cầu 20	1,2					1,2					1,2				
2	Bàu Cầu 21	1,2					1,2					1,2				
3	Bàu Cầu 22	1,2					1,2					1,2				
4	Bàu Cầu 23	1,2					1,2					1,2				
5	Bàu Cầu 24	1,2					1,2					1,2				
6	Bàu Cầu 25	1,0					1,0					1,0				
7	Bàu Cầu 26	1,2					1,2					1,2				
8	Bàu Cầu 27	1,2					1,2					1,2				
9	Bàu Cầu 28	1,2					1,2					1,2				

**PHỤ LỤC IIIA: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC ĐƯỜNG CHƯA ĐẶT TÊN  
TRONG CÁC KHU DÂN CƯ**

*(Kèm theo Quyết định số: 24/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

TT	Địa bàn khu dân cư	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021		
		Đất ở	Đất thương mại, dịch vụ	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp
<b>I</b>	<b>Quận Hải Châu</b>			
<b>1</b>	<b>Khu sân bay Đà Nẵng</b>			
	- Đường 10,5m	1,0	1,0	1,0
	- Đường 15m	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Quận Sơn Trà</b>			
<b>1</b>	<b>Khu dân cư Marina Complex</b>			
	- Đường 10,5m	1,0	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Quận Ngũ Hành Sơn</b>			
<b>1</b>	<b>Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Hòa Quý</b>			
	<b>Khu tái định cư Bình Kỳ</b>			
	- Đường 3,5m	1,0	1,0	1,0
	- Đường 5,5m	1,0	1,0	1,0
	- Đường 7,5m	1,0	1,0	1,0
<b>2</b>	<b>Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Khuê Mỹ</b>			
	<b>Khu dân cư số 12 đường Hồ Xuân Hương</b>			
	- Đường 5,5m	1,0	1,0	1,0
<b>IV</b>	<b>Quận Cẩm Lệ</b>			
<b>1</b>	<b>Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Khuê Trung</b>			
	<b>Khu dân cư Khuê Trung - Đò Xu - Hòa Cường</b>			
	- Đường 5,5m	1,1	1,1	1,1
<b>2</b>	<b>Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Hòa An</b>			
	<b>Khu TĐC Phước Lý, TĐC Phước Lý 2, 4, Khu DC Phước Lý 5; Khu dân cư Hòa Phát 5</b>			
	- Đường 5m	1,0	1,0	1,0
<b>3</b>	<b>Các khu dân cư thuộc địa bàn phường Hòa Xuân</b>			
	<b>Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ (Khu C)</b>			
	+ Khu C			
	- Đường 15m	1,1	1,1	1,1

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2021/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 9 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Bãi bỏ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 343/TTr-SVHTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 và kết quả biểu quyết của các Thành viên UBND thành phố.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định về chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Văn hóa và Thể thao, Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Lê Trung Chinh**

**VĂN BẢN KHÁC**  
**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27 /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021-2025 thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
**KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, nhiệm kỳ 2016-2021 (khoản 5, Điều 1 quy định kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021);*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH14 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 13/CT-*

*TTg ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Công văn số 3959/BKHĐT-KTĐPLT ngày 23/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (lần 2);*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2020-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, nhiệm vụ công tác đầu tư công 6 tháng cuối năm 2020 và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 323/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho ý kiến về Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho ý kiến về kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của thành phố Đà Nẵng như sau:

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại đầu tư công và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước; tiếp tục đầu tư đồng bộ và tạo chuyển biến tích cực trong phát triển hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội; góp phần quan trọng để thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

## 2. Mục tiêu cụ thể

a) Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 260-270 nghìn tỷ đồng, trong đó tỷ trọng vốn đầu tư công đạt 20-22% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

b) Phần đầu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trên 90% kế hoạch giao; số dự án hoàn thành trong giai đoạn đạt trên 80% tổng số dự án được bố trí vốn.

## 3. Định hướng

Tập trung nguồn lực đảm bảo nhu cầu, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để phát triển thành phố, đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Bộ Chính trị (khóa XII) tại Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14; Quy hoạch thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025... Phần đầu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực, đảm bảo phát triển đúng định hướng về kinh tế - xã hội, không gian đô thị đã được phê duyệt. Tập trung đầu tư theo quy hoạch 12 phân khu và khu vực nông thôn; ưu tiên vào 3 trụ cột (du lịch, công nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển), 5 lĩnh vực mũi nhọn... Trong đó, xác định đầu tư đồng bộ, tiếp tục hoàn thiện hạ tầng là khâu then chốt, nhất là các dự án động lực, trọng điểm, có tác động lan tỏa; ưu tiên các lĩnh vực hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, xử lý ô nhiễm môi trường, hạ tầng đô thị, khớp nối kỹ thuật, cảng biển, logistics, y tế, giáo dục và đào tạo... Đồng thời, để phát huy vai trò của đầu tư công, “làm vốn môi” và là cơ sở để kêu gọi, thu hút đầu tư từ khu vực ngoài ngân sách đáp ứng các mục tiêu chiến lược, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, khai thác tối đa nội lực và huy động ngoại lực. Cụ thể:

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, có trọng điểm, phù hợp với quy hoạch thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa lớn, tạo thuận lợi thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó tập trung dự án Đầu tư xây dựng Bến Cảng Liên Chiểu và các dự án động lực, trọng điểm của thành phố theo chỉ đạo của Thành ủy và Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch, triển khai đồng bộ du lịch thông minh.

- Tập trung đầu tư hệ thống cảng biển, hàng không gắn với phát triển dịch vụ logistics.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp công nghệ thông tin và các lĩnh vực, công trình, dự án có đóng góp, tác động trực tiếp, lan tỏa đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật để phát triển sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục tập trung xây dựng nông thôn mới toàn diện gắn với đô thị hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng các tiêu chí, phát triển nông nghiệp bền vững, nông thôn kiểu mẫu. Tập trung huy động nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng đô thị trên tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 07/7/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về xây dựng và phát triển huyện Hòa Vang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh đồng bộ với phát triển kinh tế, làm nền tảng cho thành phố phát triển bền vững.

**Điều 2. Tổng nguồn vốn và phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 là 59.496,37 tỷ đồng, gồm:**

**1. Tổng nguồn vốn và phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Đà Nẵng**

a) Tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản trong nước giai đoạn 2021-2025 là **59.166,37 tỷ đồng**, gồm các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách tập trung:	14.933,0 tỷ đồng
- Nguồn thu tiền sử dụng đất:	28.892,2 tỷ đồng
- Nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu:	5.340,17 tỷ đồng
- Nguồn thu xổ số kiến thiết:	855,0 tỷ đồng
- Vay bù đắp chi:	6.981,8 tỷ đồng
- Nguồn khác:	2.164,2 tỷ đồng

b) Tổng nguồn vốn nước ngoài (ODA) giai đoạn 2021-2025 là: **330 tỷ đồng**.

**2. Phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Đà Nẵng**

a) Nguồn vốn trong nước giai đoạn 2021-2025 là: **59.166,37 tỷ đồng**.

- Chi các công trình từ nguồn vốn ngân sách thành phố: 53.826,20 tỷ đồng.

- Chi các công trình từ nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu: 5.340,17 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025 là: **330 tỷ đồng**.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

**Điều 3. Các nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025**



1. Tuân thủ Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 và các văn bản pháp luật khác liên quan.

2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công, phù hợp với khả năng tài chính, giữ vững an toàn nợ công của ngân sách thành phố.

3. Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **Điều 4. Thứ tự ưu tiên trong phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025**

1. Bố trí đủ vốn còn lại để thanh quyết toán và chuyển tiếp cho các công trình hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

2. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ giải ngân vốn nước ngoài nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đảm bảo thời gian theo các hiệp định đã ký kết. Bố trí đủ phân vốn ngân sách thành phố tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP).

3. Ưu tiên phân bổ vốn cho các công trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung vốn cho các công trình và nhóm công trình trọng điểm, mang tính động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Hỗ trợ đầu tư các công trình cho các tỉnh Nam Lào theo ghi nhớ giữa lãnh đạo thành phố Đà Nẵng và lãnh đạo các địa phương;

5. Đối với công trình khởi công mới, trên cơ sở khả năng huy động nguồn lực đầu tư công trung hạn 2021-2025, rà soát phân bổ khi đảm bảo điều kiện bố trí vốn theo khoản 5 Điều 51 Luật Đầu tư công; sắp xếp theo thứ tự:

- Các công trình đã phê duyệt/đã thẩm định chủ trương đầu tư.

- Bố trí vốn cho các dự án chuẩn bị đầu tư đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền đồng ý triển khai nhưng chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai các công trình đã có chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, HĐND và Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố trong việc thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019; Nghị quyết số 119/2020/QH14; Quy hoạch thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025... trong đó ưu tiên cho các công trình theo chỉ đạo của Thành ủy, HĐND thành phố, các công trình phục vụ nhu cầu dân sinh, xử lý thoát nước, ngập úng, ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông..., các công trình giáo dục, y tế, văn hóa trọng điểm...

6. Bố trí dự nguồn ngân sách thành phố sau khi đã bố trí vốn cho các công trình đủ điều kiện ghi kế hoạch vốn trung hạn nhằm đảm bảo phương án nguồn lực cho các dự án chuẩn bị đầu tư sau khi hoàn thành thủ tục (được phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư) sẽ được bố trí vốn theo quy định.

7. Bố trí dự phòng chung nguồn ngân sách thành phố theo khoản 6 Điều 51 Luật Đầu tư công ở mức 10% so với tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 (**59.496,37 tỷ đồng**), tương đương với **5.950 tỷ đồng** với mục đích để: (1) bố trí vốn quyết toán cho các dự án có phát sinh nhu cầu vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 cần phải bố trí để tất toán dự án; (2) bố trí vốn cho các dự án đã giải ngân công tác chuẩn bị đầu tư năm 2021 các dự án chuyển tiếp nhưng chưa thực hiện đầu tư xây dựng và chưa đủ điều kiện tiếp tục triển khai; (3) bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, vốn lập quy hoạch khác thuộc đối tượng của Luật Đầu tư công; (4) các chương trình, dự án, đối tượng đầu tư quan trọng, cấp bách, cần thiết phát sinh phải thực hiện theo chỉ đạo của Thành ủy, HĐND và UBND thành phố.

### **Điều 5. Về các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

1. Quán triệt, triển khai hiệu quả Luật Đầu tư công và các nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành, gần nhất là Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhất là việc đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, cắt giảm thủ tục không cần thiết, giao dự toán, giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

2. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, cải thiện kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để tạo nguồn thu, đáp ứng chi đầu tư từ ngân sách thành phố, gồm nguồn ngân sách tập trung, khai thác quỹ đất, xổ số kiến thiết; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển.

3. Tranh thủ nguồn lực Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và vốn ODA, vốn vay nước ngoài; vốn đầu tư của các bộ, ngành, nhất là các dự án trọng điểm, động lực trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

4. Tiếp tục đôn đốc, xúc tiến việc xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thành phố, trong đó chủ động làm việc với Bộ Tài chính và các cơ quan Trung ương có liên quan để đảm bảo các cơ chế tạo nguồn lực cho đầu tư; ổn định và tăng tỷ lệ điều tiết, xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố trong thời kỳ ổn định ngân sách mới; trần huy động vốn vay so với tổng thu ngân sách địa phương được hưởng...

5. Nghiên cứu phương án sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư (nếu có) của ngân sách thành phố, nguồn quỹ dự trữ tài chính và các nguồn khác để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định.

6. Tập trung tháo gỡ và hoàn thành thủ tục thu tiền sử dụng đất từ các dự án tồn đọng nhiều năm; khẩn trương rà soát, thống kê chi tiết và sớm ban hành Kế hoạch thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 và hằng năm; ban hành Kế hoạch tổ chức

đầu giá quyền sử dụng đất các khu đất để chủ động, khẩn trương thực hiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, về giá... nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai theo phương án đề ra, đáp ứng nhu cầu chi đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, theo dự kiến: (1) thu từ chuyển mục đích, giao đất: 16.285 tỷ đồng; (2) thu từ đầu giá 8.459 tỷ đồng; (3) thu từ đấu thầu 3.741 tỷ đồng; (4) thu theo kết luận của Thanh tra Chính phủ 333,2 tỷ đồng; (5) thu từ kết luận số 2852/KL-TTTP là 74 tỷ đồng.

7. Tính đến phương án vay vốn của Ngân hàng thế giới (WB), các tổ chức tài chính, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trong khả năng và điều kiện của thành phố không đáp ứng được nguồn lực cho đầu tư.

8. Xác định danh mục các công trình cấp thiết cần ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các dự án lớn, quan trọng, dự án quy mô lớn, kết nối liên vùng, các dự án quan trọng, cấp thiết của địa phương.

9. Bố trí vốn đầu tư tập trung, hiệu quả, chỉ bố trí vốn cho các công trình, dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định (bố trí trung hạn đối với dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, bố trí vốn thực hiện hàng năm đối với dự án đã phê duyệt dự án đầu tư); tiếp tục thực hiện bám sát quy hoạch và đáp ứng yêu cầu phát triển, thực tế xã hội, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải. Trong bối cảnh ngân sách còn nhiều khó khăn, thực hiện cắt giảm, giãn tiến độ thực hiện đối với các công trình, dự án chưa thực sự cấp bách, cần thiết để ưu tiên và tập trung nguồn vốn cho các dự án dở dang, động lực, trọng điểm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cả về trước mắt và lâu dài theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND thành phố thông qua.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công; đảm bảo quy mô vốn chuyển tiếp của giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 không vượt quá 20% tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công 39/2019/QH14.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, bảo đảm hiệu quả, hạn chế tình trạng điều chỉnh trong quá trình triển khai; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật.

- Tiếp tục rà soát kỹ các dự án nằm trong danh mục các dự án bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, để phân tầng ưu tiên theo các cấp độ để đề xuất điều chỉnh danh mục đầu tư phù hợp với nguồn lực còn lại chưa bố trí trong kỳ họp đến.

10. Nghiên cứu, xúc tiến các dự án hỗn hợp về nguồn vốn, trong đó vốn nhà nước (đầu tư công) xác định “là vốn môi” nhằm dẫn dắt, thu hút và huy động nguồn lực đầu tư tư nhân tham gia đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật, môi trường, thoát nước, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố...

11. Phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động đi kèm với các biện pháp giám sát, kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả đầu tư; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc,

nhất là về các thủ tục đầu tư, quy trình, công tác giải phóng mặt bằng nhằm đảm bảo nâng cao khả năng và tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn được giao.

12. Đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan, đề cao trách nhiệm người đứng đầu ở các ngành, địa phương trong công tác xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công theo quy định.

13. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công; tăng cường thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các đơn vị sự nghiệp công, sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước, tiết giảm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

14. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả, đúng mục đích việc sử dụng khoản vốn dự phòng chung 10% tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

a) Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND thành phố xem xét, quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án chuẩn bị đầu tư theo quy định, thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ở các đợt điều chỉnh, bổ sung tiếp theo tại các kỳ họp của HĐND thành phố.

b) Khẩn trương giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án đã đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công đến thời điểm HĐND thành phố thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

c) Đối với danh mục chi tiết nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ODA giai đoạn 2021-2025: Căn cứ Quyết định giao danh mục chi tiết của Thủ tướng Chính phủ, giao danh mục chi tiết đối với các dự án đủ điều kiện, thủ tục, đồng thời tiếp tục đôn đốc các đơn vị, chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện thủ tục, trình HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được giao chi tiết ở các đợt tiếp theo.

d) Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

đ) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, UBND các quận, huyện và đơn vị có liên quan rà soát, chịu trách nhiệm về số liệu và đảm bảo bố trí đủ vốn thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn trả vốn ứng trước theo quy định.

2. Thường trực HĐND thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**

## TỔNG NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*(Đính kèm Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng)*

*DVT: Tỷ đồng*

TT	Nguồn vốn	Giai đoạn 2016 - 2020		Giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Kế hoạch vốn	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn	Tỷ lệ	
	<b>TỔNG (A + B)</b>	<b>41.810.2</b>	<b>100%</b>	<b>59.496.4</b>	<b>100%</b>	
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>33.247.6</b>	<b>79.5</b>	<b>53.826.2</b>	<b>90.5</b>	Tổng nguồn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXII (mục 3.B).
1	Nguồn vốn ngân sách tập trung	11.188.4	26.8	14.933.0	25.1	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	10.873.5	26.0	28.892.2	48.6	
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết	779.1	1.9	855.0	1.4	
4	Vay bù đắp bội chi	2.244.8	5.4	6.981.8	11.7	
5	Nguồn khác	8.162	19.5	2.164.2	3.6	
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG</b>	<b>8.563</b>	<b>20.5</b>	<b>5.670.2</b>	<b>9.5</b>	
1	Nguồn vốn Trung ương trong nước	4.873.7	11.7	5.340.2	9.0	Giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc

a)	NSTW hỗ trợ có mục tiêu (theo điểm số)	4.873.7	11.7	2.113.2	3.6	hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
b)	Vốn liên vùng			3.227.0	5.4	
2	Nguồn vốn Trung ương ngoài nước	3.688.9	8.8	330.0	0.6	

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Đính kèm Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng)*

*ĐVT: Tỷ đồng*

TT	Phân bổ Kế hoạch vốn	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
		Số dự án	Kế hoạch vốn
	<b>TỔNG SỐ (A + B)</b>		<b>59.496.37</b>
<b>A</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>		<b>53.826.20</b>
<b>I</b>	<b>Số phải phân bổ (đủ điều kiện để bố trí KH trung hạn 21-25), giao danh mục chi tiết đợt 1</b>	<b>750</b>	<b>27.566.02</b>
<b>1</b>	<b>Bố trí cho các công trình thanh quyết toán và thanh toán khối lượng</b>	<b>286</b>	<b>932.4</b>
<b>2</b>	<b>Bố trí cho các công trình chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</b>	<b>274</b>	<b>12.055.80</b>
<b>3</b>	<b>Công trình mới của giai đoạn 2021-2025</b>	<b>190</b>	<b>13.491.22</b>
3.1	Các công trình đã phê duyệt/đã thẩm định chủ trương đầu tư	190	12.891.22
3.2	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn lập nhiệm vụ quy hoạch		600
<b>4</b>	<b>Bố trí cho Huyện Hòa Vang</b>		<b>822.6</b>
<b>5</b>	<b>Chi XDCB vốn tập trung cho các quận (năm 2021) theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2021</b>		<b>264</b>
<b>II</b>	<b>Dự nguồn</b>		<b>5.949.64</b>



<b>III</b>	<b>Số còn lại để phân bổ cho các dự án chuẩn bị đầu tư đủ thủ tục sẽ được giao trong các đợt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại các kỳ họp sau của HĐND thành phố</b>		<b>20.310.54</b>
	Trong đó: dự kiến bố trí các công trình dân sinh cho các quận theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2021		4.200.00
<b>B</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>21</b>	<b>5.670.17</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn ngân sách trung ương trong nước</b>	<b>20</b>	<b>5.340.17</b>
<b>1</b>	<b>Nguồn trung ương hỗ trợ có mục tiêu</b>	<b>17</b>	<b>2.113.17</b>
a)	Số phải phân bổ (đủ điều kiện để bố trí KH trung hạn 21-25), giao danh mục chi tiết đợt này	13	1.520.73
(1)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020	3	133.77
(2)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	8	302.60
(3)	Các công trình khởi công mới đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và đủ điều kiện bố trí vốn	2	1.084.36
b)	Số còn lại để phân bổ sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định	4	592.44
<b>2</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương đầu tư các các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển</b>	<b>3</b>	<b>3.227.00</b>
a)	Số phải phân bổ (đủ điều kiện để bố trí KH trung hạn 21-25), giao danh mục chi tiết đợt này	2	2.727.00
(1)	Bố trí thanh quyết toán (Dự án đầu tư xây dựng công trình nút giao thông khác mức tại nút giao thông ngã ba Huế, TP. Đà Nẵng)	1	727.00
(2)	Bố trí công trình mới đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và đủ điều kiện bố trí vốn (Dự án Đầu tư xây dựng Bến Cảng Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Phần cơ sở hạ tầng dùng chung)	1	2.000.00

b)	Số còn lại để phân bổ sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định (Dự án Tuyến đường ven biển Nguyễn Tất Thành, thành phố Đà Nẵng)	1	500.00
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn ngân sách trung ương ngoài nước (công trình chuyển tiếp: Dự án Phát triển bền vững)</b>	<b>1</b>	<b>330.00</b>

**Ghi chú:**

- (1) Danh mục chi tiết theo Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 10/8/2021 của UBND TP. Đà Nẵng;  
(2) Nguồn NSTW phân bổ theo báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3959/BKHĐT-KTĐPLT ngày 23/6/2021 về việc kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 (lần 2). UBND thành phố căn cứ quyết định giao kế hoạch chính thức của Thủ tướng Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung trong trường hợp có thay đổi.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và  
nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 của thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH14 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 1, Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2016-2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 như sau:**

**1. Điều chỉnh tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2021: 9.699,322 tỷ đồng**  
(Giảm 140 tỷ đồng do điều chỉnh nguồn vốn ODA so với kế hoạch vốn đầu năm)

**a) Vốn trong nước: 9.011,522 tỷ đồng** (không thay đổi), gồm các nguồn sau:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung:	2.019,888 tỷ đồng
+ Ngân sách thành phố:	1.703,017 tỷ đồng
+ Ngân sách quận, huyện:	316,871 tỷ đồng

- Nguồn thu tiền sử dụng đất:	3.300,000 tỷ đồng
+ Ngân sách thành phố:	3.200,000 tỷ đồng
+ Ngân sách quận, huyện:	100,000 tỷ đồng
- Nguồn thu xổ số kiến thiết:	165,000 tỷ đồng
- Nguồn vốn Trung ương đầu tư theo ngành và lĩnh vực:	1.362,422 tỷ đồng
- Nguồn năm trước chuyển sang:	2.164,212 tỷ đồng

**b) Vốn nước ngoài (ODA): 687,800 tỷ đồng, gồm các nguồn sau:**

- Vốn Trung ương hỗ trợ: (Giảm 140 tỷ đồng)	330,000 tỷ đồng
- Nguồn vay lại của Trung ương vay nước ngoài: (Nguồn bội chi ngân sách địa phương)	357,800 tỷ đồng

**2. Điều chỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021** (Danh mục điều chỉnh tăng, giảm theo Báo cáo số 250/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố).

a) Điều chỉnh giảm: Rà soát, cắt giảm những công trình thừa vốn sau quyết toán, các công trình vướng đền bù giải tỏa chưa triển khai thi công và các công trình mới đến nay chưa hoàn thành các thủ tục để khởi công nên không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí...

b) Điều chỉnh tăng: Việc bổ sung vốn cho các công trình thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán cho các công trình đã có quyết định phê duyệt quyết toán.

- Các công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2021, ưu tiên bố trí vốn thanh toán đến 90% khối lượng hoàn thành theo quy định để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào sử dụng nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.

- Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, động lực.

- Đối với công trình chuyển tiếp, ưu tiên bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tập trung vốn cho công tác đền bù giải tỏa để bố trí tái định cư.

- Đối với công trình mới, ưu tiên bổ sung vốn cho các công trình trọng điểm, động lực, thực hiện giải tỏa, các công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2021 và các công trình mới đến nay đã hoàn thành các thủ tục đầu tư, dự kiến khởi công trong các tháng cuối năm 2021.

- Sử dụng dự phòng còn lại để bố trí đối với các dự án thanh quyết toán, đối ứng, vốn ngân sách tham gia dự án PPP theo Luật Đầu tư công, thanh toán khối lượng hoàn thành, các dự án mới cấp bách, cần thiết, nhất là các dự án động lực, trọng điểm, an sinh xã hội, môi trường, cấp nước, thoát nước...

c) Đối với vốn đầu tư phân cấp cho các quận, huyện: Các địa phương chủ động rà soát, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi và sử dụng phù hợp, hiệu quả các nguồn lực

tài chính được giao để đảm bảo cân đối theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

### **3. Nhiệm vụ công tác đầu tư công 6 tháng cuối năm 2021 và một số giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021**

a) Tập trung chỉ đạo xử lý các “điểm nghẽn” trong thủ tục đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác giải tỏa, đền bù, bàn giao mặt bằng triển khai dự án, nhất là các công trình trọng điểm, động lực trên các lĩnh vực giao thông, hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cấp thoát nước, môi trường, an sinh xã hội...

b) Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, hoàn thành các dự án đầu tư công và thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021. Khẩn trương rà soát, xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 25/5/2021, báo cáo Thành ủy và Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố cho ý kiến, thông qua theo quy định.

c) Sửa đổi Quyết định số 4990/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng với các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, phường, xã trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng; xem xét, rà soát, điều chỉnh Quyết định số 5381/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan đơn vị liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, thi công dự án trên địa bàn thành phố.

d) Tiếp tục phân cấp, phân quyền các chính sách, thủ tục đền bù giải tỏa của UBND thành phố cho các sở, ban, ngành, địa phương liên quan để đẩy nhanh tiến độ đền bù giải tỏa các dự án trên địa bàn thành phố, nhất là đối với các công trình trọng điểm. Các tổ công tác liên ngành tiếp tục làm việc với các cơ quan, đơn vị để đề xuất các giải pháp giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án đầu tư xây dựng và tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn về đất đai, quy hoạch, tài chính và các vấn đề có liên quan khác đối với các dự án, khu đất trên địa bàn thành phố. Tập trung tháo gỡ vướng mắc đối với dự án trễ tiến độ thực hiện so với thời gian thực hiện được quy định tại quyết định phê duyệt dự án và không được thanh toán. Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư các công trình dân sinh của các quận để thực hiện các thủ tục trong 6 tháng cuối năm 2021 nhằm đảm bảo điều kiện bố trí vốn thực hiện trong năm 2022 theo quy định.

đ) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án động lực, trọng điểm như: Dự án Khu Công nghệ cao Đà Nẵng, Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ Quốc lộ 14B đến đường Hồ Chí Minh, Dự án phát triển bền vững, Dự án cải thiện hạ tầng giao thông thành phố Đà Nẵng; Dự án đường giao thông nội thị quận Cẩm Lệ, đường nối từ Hòa Thọ Tây đi khu dân cư Phong Bắc, Tuyến đường cấp bách chiến lược quốc phòng phục vụ quân sự và dân sinh quận Liên Chiểu, kết nối khu vực phòng thủ đèo Hải Vân - Bán đảo Sơn Trà với khu căn cứ địa phương; khẩn trương thanh quyết toán đối với Dự án đầu tư xây dựng công trình nút giao thông khác mức tại nút giao thông ngã ba Huế...

e) Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, hoàn thành các dự án đầu tư công và thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; đẩy nhanh

tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án động lực, trọng điểm như: Dự án nhà máy nước Hòa Liên; Dự án Khu Công nghệ cao Đà Nẵng; Vườn tượng APEC mở rộng (Khu đất bên cạnh công viên APEC); Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ Quốc lộ 14B đến đường Hồ Chí Minh; Nhà máy nước Hòa Liên, Dự án phát triển bền vững, Dự án cải thiện hạ tầng giao thông thành phố Đà Nẵng, Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1); Dự án Cải thiện môi trường nước khu vực phía Đông quận Sơn Trà...

g) Khẩn trương điều chỉnh, hoàn thành thủ tục đầu tư, để được giao kế hoạch trung hạn 2021-2025 đối với các dự án mới đã được Trung ương giao kế hoạch năm 2021 theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

h) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả triển khai thực hiện và tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; căn cứ kết quả triển khai thực hiện và tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 để đánh giá, bình xét thi đua của các đơn vị, địa phương và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của người đứng đầu các đơn vị, địa phương năm 2021, nhất là đối với các công trình trọng điểm, động lực.

i) Có phương án hoàn thành kế hoạch thu tiền sử dụng đất năm 2021; đảm bảo kế hoạch huy động nguồn lực cho đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ vào Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua để chỉ đạo các ngành, các quận, huyện thực hiện, đảm bảo khối lượng thực hiện, giải ngân hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2021. Tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 2 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 29 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Danh mục các dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển  
kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố xem xét thông qua Nghị quyết về Danh mục các dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thống nhất danh mục các dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 (đính kèm theo phụ lục).**

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 2 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Đính kèm Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố)*

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VÀ TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU</b>
<b>AI</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>
<b>AI.1</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ VỐN THEO QUY ĐỊNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</b>
<b>I</b>	<b>GIAO THÔNG</b>
1	Tuyến đường Trục I Tây Bắc (đoạn từ nút giao thông Ngã ba Huế đến Bệnh viện Ung Thư, đoạn từ Hồ Tùng Mậu đến Quốc lộ 1A và đoạn nối Nguyễn An Ninh từ nút giao Quốc lộ 1A đến đường sắt)
2	Tuyến đường vành đai phía Tây đoạn từ QL14B đến đường Hồ Chí Minh
3	Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 601
4	Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý
5	Đường ven sông Tuyên Sơn - Túy Loan (đoạn Km5+226,59- Km10+501- từ cầu Đò đến QL14B)
6	Đầu tư xây dựng Bến Cảng Liên Chiểu - Phần cơ sở hạ tầng dùng chung
7	Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố

a	Bãi đỗ xe tại số 166 Hải Phòng (g/đ 1)
b	Bãi đỗ xe tại số 255 Phan Châu Trinh (g/đ 2)
c	Bãi đỗ xe số 172 Nguyễn Chí Thanh
8	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp sông Cỏ Cò (đoạn qua địa phận TPĐN); Bảo vệ, nâng cao khả năng chứa tàu thuyền tránh bão của Âu thuyền Thọ Quang và khả năng thoát nước lũ, giảm ngập úng qua hệ thống thoát nước và hồ điều hòa của TP Đà Nẵng - Tiểu dự án 01
9	Đường Vành đai phía Tây 2 (Dự án thành phần thuộc dự án Cải thiện hạ tầng giao thông thành phố Đà Nẵng - OFID)
<b>II</b>	<b>CÁC HẠNG MỤC THUỘC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>
10	Dự án Phát triển bền vững thành phố Đà Nẵng
<b>III</b>	<b>Y TẾ</b>
11	Trung tâm phẫu thuật thần kinh, chấn thương và bỏng tạo hình tại Bệnh viện Đà Nẵng
12	Trung tâm ghép tạng và cấy ghép tế bào gốc tại Bệnh viện Đà Nẵng
13	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Phụ sản - Nhi (nâng từ 600 giường lên 1.000 giường)
a	Đầu tư xây dựng Cải tạo và bổ sung trang thiết bị Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Đà Nẵng
b	Đầu tư xây dựng Nâng cấp Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Đà Nẵng - Trung tâm Kỹ thuật và Khám, điều trị chất lượng cao (400 giường)
<b>IV</b>	<b>VĂN HÓA</b>

14	Cải tạo, nâng cấp cơ sở 42 Bạch Đằng để làm Bảo tàng Đà Nẵng và Tu bổ, phục hồi và tôn tạo Di tích Thành Điện Hải (giai đoạn 2)
a	Cải tạo, nâng cấp cơ sở 42 Bạch Đằng để làm Bảo tàng Đà Nẵng
b	Tu bổ, phục hồi và tôn tạo Di tích Thành Điện Hải (g/đ 2)
<b>V</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG</b>
15	Tuyển công thu gom nước thải đường Nguyễn Tất Thành
16	Trạm trung chuyển rác thải khu vực Sơn Trà (200 tấn/ngày)
<b>VI</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>
17	Khu công viên phần mềm số 2 (g/đ 1)
<b>VII</b>	<b>KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP</b>
18	HTKT Cụm công nghiệp Cẩm Lệ
19	Khu Công nghệ cao Đà Nẵng
20	Đền bù giải tỏa Cụm công nghiệp Hòa Nhơn
21	Đền bù giải tỏa Cụm công nghiệp Hòa Khánh Nam, Cụm công nghiệp Hòa Hiệp Bắc
a	Cụm công nghiệp Hòa Khánh Nam
b	Cụm công nghiệp Hòa Hiệp Bắc
<b>IX</b>	<b>NÔNG LÂM, THỦY SẢN</b>

22	Nâng cấp Cảng cá Thọ Quang
<b>AI.2</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ VỐN THEO QUY ĐỊNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</b>
<b>I</b>	<b>GIAO THÔNG</b>
1	Tuyến phố đi bộ Bạch Đằng - Nguyễn Văn Trỗi - Trần Hưng Đạo
<b>II</b>	<b>Y TẾ</b>
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng ( HTKT vào bãi đỗ xe ngầm)
3	Bệnh viện Y học nhiệt đới thuộc Bệnh viện Đà Nẵng cơ sở 2
<b>III</b>	<b>VĂN HÓA</b>
4	Công viên Văn hóa lịch sử Ngũ Hành Sơn
<b>IV</b>	<b>NÔNG LÂM, THỦY SẢN</b>
5	HTKT Vùng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp an toàn ứng dụng công nghệ cao xã Hòa Khương và xã Hòa Phong
<b>V</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG</b>
6	Trạm trung chuyển rác thải khu vực Ngũ Hành Sơn
7	Dự án hệ rác số 7 tại khu vực bãi rác Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
<b>V</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>
8	Đề án Xây dựng thành phố thông minh (giai đoạn 2021-2025)

<b>AII</b>	<b>DỰ ÁN MỚI BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>
<b>AII.1</b>	<b>DỰ ÁN MỚI BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ VỐN THEO QUY ĐỊNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</b>
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Hòa Vang (cơ sở 2).
<b>II</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG</b>
2	Xây dựng Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân (g/đ 3)
3	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng và các tuyến cống chuyển nước mưa về sông Hàn cho lưu vực từ đường Hồ Xuân Hương đến giáp tỉnh Quảng Nam
4	Hệ thống thu gom nước thải khu vực Hòa Xuân quận Cẩm Lệ
5	Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát điều khiển giao thông thông minh tại thành phố Đà Nẵng
<b>AII.2</b>	<b>DỰ ÁN MỚI BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ VỐN THEO QUY ĐỊNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</b>
<b>I</b>	<b>GIAO THÔNG</b>
1	Dự án tái thiết đô thị
a	Đầu tư mở rộng các tuyến đường có mặt cắt lòng đường 3,5m-3,75m thành 5,5m trên địa bàn các quận
b	Mở rộng, thông đường Nguyễn Đức Trung (từ Trần Cao Vân ra Nguyễn Tất Thành)

2	Dự án Cầu Quảng Đà
<b>II</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG</b>
3	Cải tạo, mở rộng, nâng công suất trạm trung chuyển tại đường Nguyễn Đức Trung từ 18 tấn/ngày lên 100 tấn/ngày
<b>III</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>
4	Đề án chuyển đổi số trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025
<b>IV</b>	<b>HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ</b>
5	Các Khu TĐC phục vụ giải tỏa Làng đại học (Khu TĐC phục vụ giải tỏa Làng Đại học Đà Nẵng; Khu TĐC phục vụ giải tỏa Làng Đại học Đà Nẵng (phần mở rộng),...
<b>V</b>	<b>Y TẾ</b>
6	Dự án nâng cấp, sửa chữa các Trung tâm y tế và Bệnh viện Hòa Vang
a	Dự án nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Hòa Vang
b	Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn
<b>VI</b>	<b>VĂN HÓA</b>
7	Dự án Bảo tàng điêu khắc Chăm cơ sở 2
8	Đầu tư cải tạo cảnh quan, tạo một số điểm nhấn khu vực vỉa hè và bãi cát tuyến biển Hoàng Sa – Võ Nguyên Giáp – Trường Sa phục vụ du lịch
9	Đầu tư, bổ sung cơ sở hạ tầng, cải tạo cảnh quan, tiện ích công cộng phục vụ quản lý, khai thác du lịch ven biển tuyến đường Nguyễn Tất Thành

10	Nâng cấp, cải tạo Công viên 29 Tháng 3
11	Dự án Đài Tưởng niệm 2/9; cảnh quan xung quanh và các dự án liên quan
12	Trung tâm văn hóa - Điện ảnh thành phố.
13	Quảng trường trung tâm thành phố
14	Đầu tư Cảnh quan 02 bờ sông Hàn và dự án Chiếu sáng nghệ thuật “Dòng sông ánh sáng”
a	- Đầu tư cảnh quan hai bên bờ Sông Hàn (phía bờ Đông)
b	- Dự án Chiếu sáng nghệ thuật “Dòng sông ánh sáng”
<b>VII</b>	<b>NHÀ Ở XÃ HỘI</b>
15	Dự án Chung cư dành cho người có công
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH (CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025)</b>
1	Tuyến đường Hành lang Kinh tế Đông Tây 2 (Quốc lộ 14D)
2	Mở rộng tuyến Quốc lộ 14B (g/đ 2)
3	Khu đô thị Đại học Đà Nẵng
4	Đầu tư tuyến kết nối giao thông sân bay về phía Tây và nâng cấp cơ sở hạ tầng để nâng cao khả năng khai thác của cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng
<b>C</b>	<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>

CI	DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025
1	Khu CNTT tập trung tại Hòa Liên (g/đ 2)
2	Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn 1000 tấn/ngày đêm tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn theo hình thức PPP
3	Chợ Đầu mối Hòa Phước
4	Chợ Cồn
5	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước TPĐN g/đ 2012 – 2018 và các DA Nâng cấp nhà máy nước Cầu Đỏ, Đầu tư mới nhà máy nước Hòa Trung
6	Khu tổ hợp công trình phục vụ lễ hội pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng
7	Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng và giải trí tổng hợp Làng Vân
8	Các KCN: Hòa Cầm (g/đ 2); Hòa Ninh, Hòa Nhơn
9	Khu Đô thị FPT Đà Nẵng
10	Khu đô thị Đại học thuộc phường Hòa Quý
11	Di dời ga đường sắt và tái phát triển đô thị
12	Đầu tư các bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố (các bãi đỗ xe còn lại: Bãi đỗ xe tại khu đất A2 Nguyễn Văn Linh; Bãi đỗ xe trên địa bàn quận Sơn Trà; Bãi đỗ xe trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn; Các bãi đỗ xe khu vực trung tâm thành phố, ...)
13	Trung tâm giết mổ tập trung gia súc, gia cầm
14	Khu Đô thị An Đồn



<b>CII</b>	<b>DỰ ÁN MỚI BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>
1	Dự án Không gian sáng tạo Đà Nẵng
2	Dự án Trung tâm phần mềm và công nghệ cao Viettel Đà Nẵng
3	Khu du lịch sinh thái Nam Ô
4	Khu Tổ hợp đô thị thông minh - Phi thuế quan sườn đồi
5	Dự án Mikazuki Spa & Hotel Rresot
6	Khu phức hợp Trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp phường Phước Mỹ
7	Dự án xây dựng bãi chứa Container trên địa bàn huyện Hòa Vang
8	Dự án mở rộng nhà ga T1 và xây dựng ga hàng hóa tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng
9	Dự án Nhà máy đốt rác, phát điện công suất 650 tấn rác ngày/đêm;
10	Dự án Khu công nghệ thông tin Đà Nẵng Bay
11	Dự án tái thiết đô thị
12	Khu Liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và  
Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa,  
đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính  
phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ  
về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính  
phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính  
phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày  
11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị  
định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý,  
sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của  
Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh  
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân thành phố về việc đề nghị thông qua Danh mục công trình, dự án cần  
thu hồi đất và Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng  
phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung năm 2021 của thành phố Đà Nẵng; Báo  
cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Đô thị Hội  
đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân  
dân thành phố tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung năm 2021, như sau: Tổng số công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung năm 2021: 09 dự án, với tổng diện tích khoảng 105,6733ha; trong đó, diện tích đất dự kiến thu hồi bổ sung trong năm 2021 khoảng 40,0803ha (*Phụ lục I*).

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và các loại đất khác sang đất phi nông nghiệp bổ sung năm 2021 đối với Dự án đường từ nhà ông Cù đến kè Vũng Mung, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất 1,8ha; trong đó, đất trồng lúa là 0,2ha và đất khác là 1,6ha (*Phụ lục II*).

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, lưu ý một số nội dung đề nghị của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố tại Báo cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021; việc chuyển đổi đất trồng lúa phải thực hiện thu phí bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị quyết 30/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thi hành Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**

**Phụ lục I****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CẦN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2021***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

STT	Tên công trình, dự án cần thu hồi đất	Tổ chức đề nghị	Địa điểm (phường, xã)	Tổng diện tích dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất dự kiến thu hồi đất bổ sung năm 2021 (m <sup>2</sup> )	Cơ sở thu hồi đất	Ghi chú
1	Đường từ nhà ông Cù đến kè Vũng Mung	UBND huyện Hoà Vang	Hòa Bắc	18.000	18.000	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND huyện Hoà Vang. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 (Vốn đầu tư phân cấp giao UBND huyện phân bổ)	Công trình nông thôn mới
2	Đường ĐH409 đoạn từ Điện Hòa đến đường ĐT605	UBND huyện Hoà Vang	Hòa Tiến	10.000	10.000	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND huyện Hoà Vang. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 (Vốn đầu tư phân cấp giao UBND huyện phân bổ)	Công trình nông thôn mới

3	Tuyến đường giao thông kết nối đường ĐT601 và thôn Lộc Mỹ	UBND huyện Hoà Vang	Hòa Bắc	23.979	23.979	Quyết định số 4821/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021
4	Khu TĐC Trung tâm xã Hòa Bắc	UBND huyện Hoà Vang	Hòa Bắc	264.817	78.325	Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND huyện Hòa Vang. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021
5	Tuyến đường gom dọc hai bên đường tránh Nam hầm Hải Vân (đoạn từ Hòa Liên đến đường Hoàng Văn Thái)	UBND huyện Hoà Vang	Hòa Sơn, Hòa Liên	274.031	91.343	Quyết định số 4823/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021

6	Tuyến đường gom dọc hai bên đường Hồ Chí Minh (đoạn từ đường Hoàng Văn Thái đến Túy Loan)	UBND huyện Hoà Vang	Hòa Sơn, Hòa Nhơn	210.585	70.915	Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021
7	Khu TĐC phục vụ giải tỏa đường Hồ Chí Minh - giai đoạn 2	UBND huyện Hoà Vang	Hòa Nhơn	108.810	97.295	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND huyện Hòa Vang. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021
8	Đường ven sông Tuyên Sơn - Túy Loan	UBND huyện Hoà Vang	Hòa Vang	146.186	10.906	Quyết định số 9371/QĐ-UB ngày 19/11/2002 của UBND thành phố Đà Nẵng. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021

9	Mở rộng, cải tạo hạ tầng kỹ thuật nổi thông kiệt K382/H37 đường Núi Thành	UBND quận Hải Châu	Hoà Cường Bắc	325	40	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND quận Hải Châu. Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự án thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 (Vốn đầu tư phân cấp giao UBND quận phân bổ)	
<b>Tổng</b>				<b>1.056.733</b>	<b>400.803</b>		

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA BỔ SUNG NĂM 2021**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Số TT	Tên công trình, dự án thu hồi đất	Tổ chức đề nghị	Địa điểm	Tổng diện tích dự án (m <sup>2</sup> )	Trong đó				Ghi chú
					Đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ (m <sup>2</sup> )	Đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Các loại đất khác (m <sup>2</sup> )	
1	Đường từ nhà ông Củ đến kè Vững Mung	UBND huyện Hòa Vang	Hòa Bắc	18.000	2.000			16.000	
<b>Tổng</b>				<b>18.000</b>	<b>2.000</b>			<b>16.000</b>	



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 36 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Xác nhận kết quả bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân  
thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 tại Tờ trình số 110/TTr-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2021 về việc giới thiệu nhân sự bầu chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Căn cứ Biên bản kiểm phiếu bầu chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố tại phiên họp ngày 12 tháng 8 năm 2021, Kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phan Thanh Long, được 47/47 đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có mặt tán thành, đạt tỷ lệ 90,38% so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng biểu quyết thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH  
Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

## **Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trong năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập trong năm học 2021-2022 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định chính sách hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh các trường phổ thông công lập, ngoài công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong năm học 2021-2022, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

- Trẻ mầm non, học sinh các trường phổ thông công lập.
- Trẻ mầm non, học sinh các trường phổ thông ngoài công lập.
- Không áp dụng đối với trẻ mầm non và học sinh phổ thông thuộc cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Quy định chính sách:

- Hỗ trợ 100% học phí theo mức thu học phí công lập năm học 2021-2022 do Hội đồng nhân dân thành phố quy định, hỗ trợ trong 9 tháng của năm học 2021-2022.

- Các đối tượng được giảm học phí theo các chính sách của Trung ương và thành phố được cấp bù phần hỗ trợ cho bằng 100% mức thu học phí công lập năm học 2021-2022.

-Không áp dụng hỗ trợ cho trẻ mầm non, học sinh các trường phổ thông được miễn học phí theo chính sách của Trung ương và thành phố.

### **Điều 2.Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách thành phố giao trong dự toán hằng năm cho ngành giáo dục theo phân cấp quản lý.

### **Điều 3.Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng biểu quyết thông qua.

### **Điều 4.Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**

**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thành lập, đặt tên tổ dân phố trên địa bàn  
quận Hải Châu và quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG,  
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;*

*Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập, đặt tên tổ dân phố trên địa bàn quận Hải Châu và quận Liên Chiểu; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế- Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thành lập, đặt tên tổ dân phố trên địa bàn quận Hải Châu và quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

**1. Đối với quận Hải Châu**

Thành lập 01 (một) tổ dân phố số 53 tại Khu dân cư Sư đoàn 372 thuộc phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu.

**2. Đối với quận Liên Chiểu**

Thành lập 02 (hai) tổ dân phố tại Khu chung cư nhà ở xã hội Hòa Khánh thuộc phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu:

a) Tổ dân phố số 82 (Tòa nhà E1, E2- Khu chung cư nhà ở xã hội Hòa Khánh);

b) Tổ dân phố số 83 (Tòa nhà B1, B1A- Khu chung cư nhà ở xã hội Hòa Khánh).

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng biểu quyết thông qua.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 1 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42 /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

### **NGHỊ QUYẾT**

#### **Về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công thành phố Đà Nẵng**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG, KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Theo đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 về chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư Tân Ninh mở rộng giai đoạn 2; Tờ trình số 1767/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 về chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư phục vụ giải tỏa Khu công nghiệp Hòa Ninh (Khu tái định cư số 3 mở rộng - Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến ĐT602); Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 về chủ trương đầu tư dự án Khu Trung tâm Văn hóa kết hợp Nhà Văn hóa Thiếu nhi phía Tây thành phố (giai đoạn 1); Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 về chủ trương đầu tư dự án Nhà ở phục vụ vận động viên tại Khu liên hợp Thể dục thể thao Hòa Xuân; Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2021 về chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Đà Nẵng - Hạ tầng kỹ thuật và Bãi đỗ xe ngầm; Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư các công trình giáo dục tại Khu đất sau khi di dời Nhà máy nhựa; Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 về điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án trong chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng sửa chữa, nâng cấp đập dâng An Trạch - Hà Thanh; Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phía Đông xưởng 38 và xưởng 387; Báo cáo thẩm tra số 40/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Đô thị; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

#### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định chủ trương đầu tư đối với 05 dự án: Khu tái định cư Tân Ninh mở rộng giai đoạn 2; Khu tái định cư phục vụ giải tỏa Khu công nghiệp Hòa Ninh

(Khu tái định cư số 3 mở rộng - Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến ĐT602); Trung tâm Văn hóa kết hợp Nhà Văn hóa Thiếu nhi phía Tây thành phố (giai đoạn 1); Nhà ở phục vụ vận động viên tại Khu liên hợp Thể dục thể thao Hòa Xuân; Đầu tư các công trình giáo dục tại Khu đất sau khi di dời Nhà máy nhựa.

*(Theo Phụ lục I đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với 02 dự án: Đầu tư xây dựng sửa chữa, nâng cấp đập dâng An Trạch - Hà Thanh; Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phía Đông xưởng 38 và xưởng 387.

*(Theo Phụ lục II đính kèm)*

**Điều 3.** Chưa thông qua chủ trương đầu tư đối với dự án Bệnh viện Đà Nẵng - Hạ tầng kỹ thuật và Bãi đỗ xe ngầm. Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo làm rõ một số vấn đề liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ chủ trương đầu tư dự án trình Hội đồng nhân dân thành phố trong kỳ họp tiếp theo.

**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố lập các thủ tục liên quan để triển khai thực hiện dự án nêu trên theo đúng quy định; rà soát đảm bảo về mặt quy hoạch, môi trường theo quy định; đồng thời chỉ đạo thực hiện một số lưu ý theo Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị và Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**

**Phụ lục I**  
**QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Nhóm dự án, loại, cấp công trình	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn	Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện	Một số lưu ý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Khu tái định cư Tân Ninh mở rộng giai đoạn 2 <i>(theo Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021)</i>	Đầu tư dự án Khu tái định cư Tân Ninh mở rộng giai đoạn 2 nhằm tạo quỹ đất tái định cư cho dự án Khu công nghệ thông tin tập trung và các dự án trên địa bàn xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang; khớp nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại khu vực	Đầu tư xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bao gồm các hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh, cấp nước, cấp điện, điện chiếu sáng, đường ống thông tin liên lạc theo quy hoạch tổng mặt bằng được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 29/7/2019. <i>(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 của UBND thành phố).</i>	Dự án nhóm B, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới cấp III	262.724,89	Nguồn vốn ngân sách thành phố	Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Năm 2021-2024	+ Rà soát tổng thể quy hoạch sử dụng đất tại khu vực, để nghiên cứu tính toán các hạng mục hạ tầng dùng chung đảm bảo phục vụ cho dự án và cả khu vực xung quanh. + Rà soát, làm rõ cơ cấu, chức năng sử dụng đất khu vực để phù hợp với quy hoạch chung được duyệt



2	Khu tái định cư phục vụ giải tỏa Khu công nghiệp Hòa Ninh (Khu tái định cư số 3 mở rộng - Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến ĐT602) (theo Tờ trình số 1767/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021)	Đầu tư dự án Khu tái định cư phục vụ giải tỏa Khu Công nghiệp Hòa Ninh (Khu tái định cư số 3 mở rộng - Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến ĐT602) nhằm tạo quỹ đất để bố trí tái định cư cho người dân giải tỏa nằm trong quy hoạch Khu công nghiệp Hòa Ninh	Đầu tư xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bao gồm các hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cây xanh, cấp điện và điện chiếu sáng theo quy hoạch tổng mặt bằng được UBND huyện Hòa Vang phê duyệt tại Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 08/02/2021. (Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 1767/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của UBND thành phố)	Dự án nhóm B, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới cấp III	81.122,17	Nguồn vốn ngân sách thành phố	Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Năm 2021-2024	+ Rà soát tổng thể quy hoạch sử dụng đất tại khu vực, để nghiên cứu thiết kế các hạng mục hạ tầng dùng chung đảm bảo phục vụ cho dự án và cả khu vực xung quanh. + Có phương án chống sạt lở khu vực sườn đồi tiếp giáp với khu tái định cư đảm bảo an toàn.
3	Khu Trung tâm Văn hóa kết hợp Nhà Văn hóa Thiếu nhi phía Tây thành phố (giai đoạn 1) (theo Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021)	Đầu tư xây dựng Khu Trung tâm Văn hóa kết hợp Nhà Văn hóa Thiếu nhi phía Tây thành phố (giai đoạn 1) nhằm đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; đồng thời tạo môi	<b>Phần Xây lắp</b> a) Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh Khu B (Trung tâm Văn hóa sử dụng kết hợp công năng Nhà Văn hóa Thiếu nhi) theo quy hoạch chi tiết TL 1/500 Khu Trung tâm Văn hóa kết hợp Nhà Văn hóa Thiếu nhi phía Tây thành phố được duyệt tại Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND quận	Dự án nhóm B; Công trình Dân dụng cấp II	86.422,02	Nguồn vốn ngân sách thành phố	Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Năm 2021-2024	+ Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, cần đảm bảo thiết kế, tăng cường hệ thống cây xanh, cảnh quan tại công trình... + Xây dựng Quy chế tổ

		trường học tập, sinh hoạt cho thiếu nhi khu vực phía Tây thành phố	<p>Liên Chiêu;</p> <p>b) Đầu tư sân vườn, cảnh quan, bãi đỗ xe tại khu A (dự kiến xây dựng hoàn chỉnh Khu A trong giai đoạn 2).</p> <p><b>Phần Thiết bị</b></p> <p>- Trang thiết bị công trình: điều hòa không khí, thông gió, mạng, thông tin liên lạc, PCCC, chống sét, âm thanh, máy phát điện...</p> <p>- Trang thiết bị sân thể thao và các phòng chức năng kèm theo.</p> <p><i>(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của UBND thành phố)</i></p>						chức và hoạt động của Trung tâm và phương án quản lý, vận hành công trình sau khi đưa vào sử dụng đảm bảo hiệu quả, góp phần tạo môi trường học tập, sinh hoạt cho thiếu nhi khu vực phía Tây thành phố.
4	Nhà ở phục vụ vận động viên tại Khu liên hợp Thể dục thể thao Hòa Xuân (theo Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021)	Đầu tư dự án Nhà ở phục vụ vận động viên tại Khu liên hợp Thể dục thể thao Hòa Xuân nhằm đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, sinh hoạt và tập luyện cho các vận động viên; tạo điều kiện cho các vận động viên, huấn luyện viên yên tâm tập luyện, nâng cao hiệu quả và thành tích thi đấu, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền	Đầu tư xây dựng Nhà ở phục vụ vận động viên nằm trong khu Trung tâm Huấn luyện Đào tạo vận động viên tại Khu Liên hợp Thể dục thể thao Hòa Xuân theo điều chỉnh Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết TL 1:500 Trung tâm Huấn luyện Đào tạo vận động viên được duyệt tại Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND thành phố, bao gồm 02 block chung cư được liên	Dự án nhóm B; Công trình Dân dụng cấp II	139.340,83	Nguồn vốn ngân sách thành phố	Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Năm 2021-2024	Rà soát phương án thiết kế phù hợp với công năng sử dụng của vận động viên, đảm bảo các quy chuẩn về an toàn, phòng cháy, chữa cháy, mỹ quan đô thị, phù hợp với quy mô công trình

		thể thao thành tích cao của thành phố	kết bằng khu hành lang giữa có khu sinh hoạt chung. (Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của UBND thành phố)						theo quy định; lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật phù hợp, đảm bảo tránh trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả.
5	Đầu tư các công trình giáo dục tại Khu đất sau khi di dời Nhà máy nhựa (theo Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021)	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất mới cho Trường Mầm non Hải Đường và Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm thay thế cho các cơ sở hiện trạng đã xuống cấp, hư hỏng nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay, từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng giáo dục tại các cơ sở trường học nói riêng và trên địa bàn quận Thanh Khê nói chung	a) Phần Xây lắp: * Xây mới Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm, tổng diện tích khu đất 8.737m <sup>2</sup> bao gồm các hạng mục: - Khối lớp học, hiệu bộ và bộ môn với quy mô 04 tầng; - Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân trường, cảnh quan, cây xanh. - Hệ thống tường rào, cổng ngõ, nhà bảo vệ và nhà để xe. * Xây mới Trường Mầm non Hải Đường, tổng diện tích khu đất 1.816m <sup>2</sup> , bao gồm các hạng mục: - Khối phòng học, hiệu bộ và phục vụ học tập với quy mô 3 tầng. - Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và sân trường, cảnh quan, cây xanh.	Dự án nhóm B thuộc lĩnh vực giáo dục. Công trình Dân dụng cấp III, công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp IV và công trình Giao thông cấp IV	97.541,27	Nguồn vốn ngân sách thành phố	Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Năm 2021-2025	+ Bổ sung giải pháp đảm bảo khoảng cách, vùng đệm cách ly giữa 2 trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học của học sinh, trẻ mầm non. + Nghiên cứu phương án khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở trường học cũ đảm bảo phù hợp với quy hoạch đô thị, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu; có tính đến yếu tố ưu tiên cho

			<p>- Hệ thống tường rào, cổng ngõ, nhà bảo vệ và nhà để xe.</p> <p>* Xây mới hệ thống đường giao thông, vườn dạo, cảnh quan cây xanh tại khu vực (phía trước khuôn viên trường học)</p> <p>b) Phần Thiết bị: Đầu tư trang thiết bị công trình, phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị phục vụ dạy học, làm việc cho Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm và Trường Mầm non Hải Đường.</p> <p><i>(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của UBND thành phố)</i></p>						giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học trên địa bàn quận.
--	--	--	---	--	--	--	--	--	---

**Phụ lục II****QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư điều chỉnh	Nội dung và nguyên nhân điều chỉnh	Nhóm dự án, loại, cấp công trình	Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh	Cơ cấu nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự án	Một số lưu ý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đầu tư xây dựng sửa chữa, nâng cấp đập dâng An Trạch - Hà Thanh (theo Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021)	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng An Trạch - Hà Thanh nhằm khắc phục các hư hỏng, sự cố của hệ thống cửa van, bảo vệ an toàn đập, bảo vệ cơ sở hạ tầng. Đồng thời đảm bảo nguồn cấp nước thô cho Nhà máy nước Cầu Đỏ khi bị nhiễm mặn và cấp nước tưới tiêu cho sản xuất.	Giữ nguyên theo đúng Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 17/5/2019 của HĐND thành phố về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	- Nội dung điều chỉnh: + Địa điểm được duyệt theo Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 17/5/2019 của HĐND thành phố: Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. + Địa điểm điều chỉnh lần này: Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. - Nguyên nhân điều chỉnh: Trong quá trình lập chủ trương đầu tư dự án, đơn vị Tư vấn và các bên liên quan đã sơ sót dẫn đến địa	Dự án nhóm B, công trình thủy lợi cấp III	96.676,05	Ngân sách thành phố	Từ năm 2019 đến năm 2022	+ Nghiên cứu phương án đầu tư theo hướng hiện đại, đảm bảo vận hành hiệu quả cho việc cấp nước thô Nhà máy nước Cầu Đỏ và phục vụ tưới tiêu; đồng thời phải linh hoạt trong việc xả lũ; có phương án xử lý rác (cây gỗ lớn) khi mùa mưa lũ làm cản trở

				điểm thực hiện dự án chỉ thể hiện là huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.					dòng chảy tại các cửa van. + Đối với Đập Hà Thanh: Cần hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định trước khi thực hiện đầu tư (hiện nay chưa có ý kiến thống nhất của các cơ quan liên quan thuộc tỉnh Quảng Nam).
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phía Đông xường 38 và xường 387 (theo Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021)	Hình thành khu dân cư mới, khai thác quỹ đất, đầu tư hoàn thành đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và không gian kiến trúc.	Đầu tư các hạng mục san nền, giao thông, thoát nước, cấp nước, điện chiếu sáng, cây xanh đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 7136/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2008 và các hạng mục điều chỉnh, bổ sung.	- Nội dung điều chỉnh: + Bổ sung một số hạng mục để hoàn chỉnh dự án; + Bổ sung kinh phí do có sự chênh lệch giá vật liệu, nhân công và chi phí giải tỏa đền bù làm tăng tổng mức đầu tư dự án. - Nguyên nhân điều chỉnh: Trong quá trình thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phía Đông xường 38 và	Dự án nhóm B, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới	68.043,95	Ngân sách thành phố	Từ năm 2008 đến năm 2021	+ Chấn chỉnh và chấm dứt tình trạng quản lý, điều hành dự án kéo dài nhiều năm, tình trạng sai sót trong thiết kế dẫn đến điều chỉnh, bổ sung nhiều lần làm tăng tổng mức đầu tư.

				xưởng 387 có sự kéo dài thời gian dự án. Ngoài ra, nhằm đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho dự án.					+ Thực hiện các thủ tục phê duyệt điều chỉnh dự án, tổ chức triển khai thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định.
--	--	--	--	---	--	--	--	--	---

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 43/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021*

**NGHỊ QUYẾT  
Về nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV;*

*Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép Chính phủ ban hành Nghị quyết có một số nội dung khác với quy định của luật để đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19;*

*Trên cơ sở xem xét các báo cáo, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố, các cơ quan hữu quan, báo cáo thẩm tra của các Ban của HĐND thành phố và ý kiến của đại biểu HĐND thành phố.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**1.** Kỳ họp thứ 2 HĐND thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 đã hoàn thành toàn bộ nội dung, chương trình đề ra với các vấn đề được xem xét, quyết định như sau:

1.1. Thông qua các báo cáo của Thường trực HĐND thành phố, UBND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Cục Thi hành án dân sự thành phố; các báo cáo của UBND, Viện Kiểm



sát nhân dân, Tòa án nhân dân các quận (*Phụ lục kèm theo*).

1.2. Thông qua một số chính sách theo đề xuất của UBND thành phố: Hỗ trợ tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng cho tiêu thương tại các chợ bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 (Báo cáo số 235/BC-UBND ngày 04/8/2021); hỗ trợ thực phẩm và nhu yếu phẩm cho người dân trong vùng cách ly y tế phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố (Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 10/8/2021); chế độ đặc thù trong công tác phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố (Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 11/8/2021); hỗ trợ chi phí xét nghiệm SARS-CoV-2 cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thành phố (Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 11/8/2021); hỗ trợ khó khăn do đại dịch COVID-19 năm 2021 cho đối tượng đặc thù của thành phố và đối tượng không có giao kết hợp đồng (lao động tự do) theo khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP 01/7/2021 của Chính phủ (Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 12/8/2021); rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Công văn số 3597/UBND-SKHĐT ngày 14/6/2021). Đối với Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 11/8/2021 về đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề cấp thiết để phòng, chống dịch COVID-19 thực hiện theo quy định tại điểm 3.6, khoản 1 Nghị quyết này.

1.3. Thống nhất biểu quyết thông qua các nghị quyết của HĐND thành phố về: Chương trình hoạt động toàn khóa của HĐND thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026; Chương trình giám sát năm 2022 của HĐND thành phố; Quyết định Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025; Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021; Danh mục các dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2021-2025; Quy định nội dung, nhiệm vụ chỉ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều hệ thống đê điều trên địa bàn thành phố; Quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn thành phố; Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B; Thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung năm 2021 (theo Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 04/8/2021 của UBND thành phố); Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc thành phố; Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp xã hội và mở rộng đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố; Quy định mức thu học phí, học phí học lại đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc thành phố quản lý năm học 2021-2022, học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố năm 2021-2022; Hỗ trợ học phí năm học 2021-2022 đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19; Quy định chính sách đối với trẻ em mầm non, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục liên quan đến khu công nghiệp trên địa bàn thành phố; Quy định chế độ đặc thù trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố; Thành lập, đặt tên tổ dân phố trên địa bàn quận Hải Châu và quận Liên Chiểu; Xác nhận kết quả bầu chức danh Ủy viên UBND thành phố; Bãi bỏ Nghị quyết số 213/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn

thành phố.

1.4. Chưa thông qua các Tờ trình của UBND thành phố, gồm: Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 03/7/2021 về Dự án Bệnh viện Đà Nẵng - HTKT và Bãi đỗ xe ngầm; Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 29/7/2021 của UBND thành phố chính sách hỗ trợ và chuyển đổi ngành nghề cho các hộ dân tham gia nhặt rác tại bãi rác Khánh Sơn.

2. HĐND thành phố khẳng định trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, thành phố Đà Nẵng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là đợt tái bùng phát từ đầu tháng 5/2021 đến nay đã ảnh hưởng nghiêm trọng và tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội của thành phố. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền, cùng sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, thành phố đã triển khai quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch, gắn với thực hiện quyết liệt chủ đề năm 2021 “Năm khôi phục tăng trưởng và đẩy mạnh phát triển kinh tế”.

HĐND thành phố ghi nhận, đánh giá cao sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của UBND thành phố, Ban Chỉ đạo, các sở, ban, ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và sự chủ động, tích cực tham gia của các đoàn thể, lực lượng tuyến đầu chống dịch, đội ngũ cán bộ y tế, các lực lượng quân đội, công an, các tầng lớp nhân dân... trong công tác phòng chống dịch. Nhờ đó, trong 6 tháng đầu năm 2021, có thời điểm thành phố cơ bản kiểm soát được dịch bệnh, duy trì cơ bản hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; tình hình kinh tế - xã hội đạt được một số kết quả khả quan, các mục tiêu an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho các tầng lớp nhân dân được duy trì đảm bảo. Tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn thành phố 6 tháng đầu năm 2021 ước tăng 4,99% so với cùng kỳ 2020, tăng 1,05% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó: Dịch vụ tăng 5,34%; công nghiệp - xây dựng tăng 2,85% và thuế sản phẩm tăng 7,99%. Bên cạnh đó, thành phố đã tích cực phối hợp với các cơ quan Trung ương tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản, chủ trương, định hướng quan trọng<sup>(1)</sup>, làm cơ sở pháp lý, nền tảng, tạo động lực để phát triển thành phố trong thời gian đến.

3. Trong bối cảnh tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố vẫn đang diễn biến phức tạp, nguy cơ rất cao, khó kiểm soát, ảnh hưởng rất lớn đến thành quả và mục tiêu, giải pháp chống dịch, ổn định kinh tế - xã hội trong thời gian đến, HĐND thành phố yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị xác định nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu từ nay đến cuối năm 2021 là tập trung cao độ, ưu tiên cho công tác phòng chống dịch, gắn với duy trì và cơ bản ổn định các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố; có

<sup>(1)</sup> Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 phê duyệt Đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; Quyết định số 05/2021/QĐ-TTg ngày 08/02/2021 quy định về trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu - Phần cơ sở hạ tầng dùng chung; chấp thuận chủ trương cho phép nghiên cứu, lập đề án Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quy mô khu vực.

giải pháp ứng phó kịp thời, đồng bộ, phù hợp, sớm kiểm soát dịch bệnh để tạo tiền đề thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã đề ra. Theo đó:

3.1. Triển khai các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt nhằm huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện tốt Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường một số biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 và Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 30/7/2021 của UBND thành phố về thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn thành phố để phòng, chống dịch Covid-19; không chủ quan, lơ là, không hoang mang, dao động; chủ động chuẩn bị các phương án, kịch bản để kịp thời ứng phó với mọi tình huống phát sinh do dịch bệnh. Trong tình huống dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, HĐND thành phố thống nhất chủ trương áp dụng biện pháp mạnh để phòng chống dịch trên nguyên tắc “ai ở đâu thì ở đó”.

3.2. Tích cực nâng cao năng lực xét nghiệm diện rộng, điều tra, truy vết, khoanh vùng, vận chuyển, cách ly các trường hợp bệnh nhân, đối tượng có nguy cơ nhiễm bệnh cao. Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 tại các cơ sở cách ly tập trung và hướng dẫn thí điểm áp dụng cách ly F1 tại nhà. Tăng cường kiểm tra, đảm bảo công tác phòng, chống dịch, gắn với rà soát, siết chặt việc kiểm soát cửa ngõ ra vào thành phố; kịp thời phát hiện, áp dụng các biện pháp xét nghiệm, cách ly, can thiệp y tế phù hợp đối với các trường hợp nhập cảnh trái phép hoặc đến từ các địa phương có dịch.

3.3. Đảm bảo nhân lực, vật lực cho công tác phòng chống dịch; ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước và huy động mọi nguồn lực hợp pháp khác cho công tác phòng, chống dịch; thay đổi, điều chỉnh nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đối với các nhiệm vụ chưa thực sự cần thiết để chi cho công tác phòng, chống dịch. Chuẩn bị sẵn sàng về cơ sở điều trị, nhân lực ngành y tế, nguồn sinh phẩm, các trang thiết bị, vật tư y tế để đảm bảo đáp ứng việc điều trị theo từng cấp độ dịch bệnh, kể cả cấp độ dịch bệnh xấu nhất. Huy động mọi nguồn lực, khuyến khích xã hội hóa, phát triển Quỹ vắc xin phòng COVID-19; chủ động về nguồn lực, phương án đẩy nhanh và thực hiện có hiệu quả kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn thành phố, đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời, an toàn, hiệu quả và minh bạch nhằm sớm đạt mục tiêu miễn dịch cộng đồng trong thời gian sớm nhất.

3.4. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; bảo đảm cung ứng kịp thời, đầy đủ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân, nhất là ở khu phong tỏa, cách ly, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy nhanh việc hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh theo chủ trương của Trung ương và thành phố. Tiếp tục xem xét việc hỗ trợ cho các đối tượng khác bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các biện pháp phòng, chống dịch để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, không để đứt gãy chuỗi cung ứng trong điều kiện phòng chống dịch. Cương quyết xử lý nghiêm các vi phạm về phòng chống dịch.

3.5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin về tình hình dịch bệnh trên địa bàn và các biện pháp phòng, chống dịch mới của Trung ương, thành phố. Nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của các ban điều hành, tổ công tác COVID-19 tại cộng đồng và việc khai báo y tế. Hỗ trợ kịp thời cho các lực lượng tuyến đầu và lực lượng tham gia phòng, chống dịch. Kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên những tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có những thành tích xuất sắc, có những đóng góp, ủng hộ quan trọng trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Chủ động đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc, thù địch, kiểm soát chặt chẽ thông tin xấu độc, sai sự thật và xử lý nghiêm vi phạm trong phòng, chống dịch COVID-19 theo đúng quy định của pháp luật.

3.6. Để ứng phó kịp thời, có hiệu quả với diễn biến phức tạp của tình hình dịch COVID-19, sớm ổn định và kiểm soát dịch bệnh, đưa thành phố trở lại trạng thái “bình thường mới”; căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 06/8/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công điện số 1063/CD-TTg ngày 31/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV, HĐND thành phố thống nhất giao Thường trực HĐND thành phố quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trong thời gian giữa hai kỳ họp và báo cáo HĐND thành phố tại Kỳ họp gần nhất.

4. Bên cạnh những nhiệm vụ trọng tâm công tác phòng, chống dịch COVID-19 đã đề ra ở Mục 3 nêu trên, đề nghị UBND thành phố, các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị quan tâm chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong 6 tháng cuối năm 2021, như sau:

#### 4.1. Về kịch bản, chỉ tiêu kinh tế - xã hội thành phố năm 2021

- HĐND thành phố thống nhất đề xuất của UBND thành phố về 02 phương án phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của thành phố được trình tại Kỳ họp<sup>(2)</sup>. Đề nghị UBND thành phố sớm chỉ đạo triển khai thực hiện những giải pháp đồng bộ, quyết liệt về phòng chống dịch và khôi phục phát triển kinh tế nhằm phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP cao nhất.

- Thống nhất điều chỉnh chỉ tiêu “Tỷ lệ giảm sinh ước đạt 0,05%” thành “Tỷ suất sinh thô tăng 0,05%”.

#### 4.2. Về công tác quy hoạch; xây dựng, tham mưu các cơ chế, chính sách mới về phát triển thành phố Đà Nẵng

---

<sup>(2)</sup> **Phương án thuận lợi**, dự kiến dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát từ cuối quý III năm 2021, việc tiêm chủng được triển khai nhanh chóng và đạt miễn dịch cộng đồng vào quý 2-2022. Tốc độ tăng GRDP 6 tháng cuối năm đạt mức giảm gần (-0,14%), theo đó, tốc độ tăng GRDP năm 2021 sẽ đạt mức **2,33%** (đây là kịch bản do Tổng Cục Thống kê dự báo). **Phương án ít thuận lợi**, dự kiến dịch COVID-19 chưa được kiểm soát trong quý III năm 2021 và các hoạt động kinh tế trở lại bình thường trong quý 4 -2021. Tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng cuối năm 2021 sẽ chỉ đạt mức giảm gần (-2,2%), theo đó, tốc độ tăng GRDP năm 2021 sẽ ở mức **1,0-1,5%**.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Quy hoạch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó lưu ý tiến độ lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất của thành phố thời kỳ 2021-2030 để tích hợp vào quy hoạch thành phố, lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025. Khẩn trương triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhất là công tác lập, phê duyệt quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết làm cơ sở đầu tư phát triển; quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật kể cả quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Sớm làm việc với Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương để đề xuất các cơ chế, chính sách mới và các phương án tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quản lý đất đai, đầu tư nhằm tạo động lực mới cho sự phát triển của thành phố. Tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ về một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng khi thực hiện Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội. Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, hỗ trợ đơn vị tài trợ để sớm hoàn thành, bàn giao Đề án xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành Trung tâm tài chính quy mô khu vực, báo cáo xin ý kiến các bộ, ngành Trung ương trong quý III năm 2021 và trình Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2021. Sớm xin chủ trương Trung ương về xây dựng Đề án thành lập Khu phi thuế quan thành phố Đà Nẵng.

4.3. Tập trung hỗ trợ, duy trì ổn định sản xuất, kinh doanh, góp phần hạn chế suy giảm tăng trưởng kinh tế

- Tiếp tục triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Chủ động chuẩn bị các nguồn lực đảm bảo nhanh chóng khôi phục, tận dụng tốt cơ hội ngay khi kiểm soát được dịch bệnh, nhất là khu vực dịch vụ. Nghiên cứu chuẩn bị, xây dựng các phương án, chiến lược phát triển các khu vực kinh tế bền vững, có khả năng ứng phó và chống chịu với các cú sốc, áp lực của các vấn đề an ninh, an toàn phi truyền thống (thiên tai, dịch bệnh, di cư bất hợp pháp, tội phạm xuyên quốc gia...).

- Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách và giải pháp kích cầu du lịch sau khi dịch bệnh được kiểm soát. Hoàn thành Đề án “Nghiên cứu, quy hoạch nhằm đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng Trung tâm Hội chợ triển lãm Đà Nẵng và đề xuất các giải pháp khai thác hiệu quả quỹ đất trong khuôn viên Trung tâm trong thời gian đến”, làm cơ sở kêu gọi đầu tư Trung tâm thương mại tầm cỡ quốc tế. Triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư Chợ đầu mối Hòa Phước; lập phương án đầu tư, quản lý và khai thác chợ Cồn theo hình thức chợ truyền thống.

- Tập trung hoàn thành thủ tục kêu gọi đầu tư các cụm công nghiệp: Hòa Nhơn, Hòa Khánh Nam. Khẩn trương tổ chức triển khai đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư sau khi được phê duyệt chủ trương đối với 3 khu công nghiệp mới: Khu công nghiệp Hòa Cẩm - Giai đoạn 2, Khu công nghiệp Hòa Nhơn, Khu công nghiệp Hòa Ninh.

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các lĩnh vực nông nghiệp, phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP. Đẩy nhanh tiến độ dự án nâng cấp Cảng cá Thọ Quang gắn với tăng cường công tác vệ sinh môi trường tại khu vực Âu thuyền, Cảng cá Thọ Quang.

#### 4.4. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh thu hút đầu tư

- Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND thành phố quy định về quản lý đầu tư, xây dựng đảm bảo phù hợp với Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ và quy định hiện hành.

- Phê duyệt Danh mục quỹ đất kêu gọi đầu tư trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất năm 2021. Xây dựng quy trình, thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với các doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tiếp tục rút ngắn thực chất và công khai các quy trình, thủ tục về đất đai, đầu tư, xây dựng... trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư và triển khai các khu công nghệ thông tin, công viên phần mềm. Tập trung các giải pháp khôi phục và cải thiện môi trường kinh doanh. Ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, từng bước ổn định, khôi phục, đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh ngay sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các lĩnh vực: Giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, tài nguyên, môi trường giai đoạn 2020-2022; bổ sung danh mục kêu gọi xã hội hóa trên một số lĩnh vực được khuyến khích (y tế, giáo dục, môi trường...). Thúc đẩy tiến độ triển khai một số công trình, dự án có quy mô lớn đã có chủ trương tháo gỡ của lãnh đạo thành phố như: Khu đô thị Capital Square 3, Khu Đô thị Du lịch Làng Vân, Khu Du lịch sinh thái Nam Ô, Khu Tổ hợp công trình phục vụ Lễ hội Pháo hoa quốc tế, dự án Không gian sáng tạo CMC Đà Nẵng, dự án Golden Hills City, Khu Công viên văn hóa và vui chơi giải trí phía Đông Nam Đài Tưởng niệm, Quần thể Khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ...

#### 4.5. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án và thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2021; thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, bảo vệ môi trường

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư công; thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021, gắn với trách nhiệm các tổ chức, cá nhân, đảm bảo kế hoạch đề ra. Đề nghị UBND thành phố chủ động rà soát các trường hợp dự án cần kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công sang năm sau, báo cáo HĐND thành phố tại kỳ họp cuối năm để xem xét theo Luật đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công. Tiếp tục phân cấp, phân quyền giải quyết các thủ tục, chính sách có liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ đền bù giải tỏa, bàn giao mặt bằng triển khai các dự án trên địa bàn thành phố, nhất là đối với các dự án động lực, trọng điểm.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đô thị, trật tự xây dựng theo Chỉ thị số 21-CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về việc tăng cường lãnh đạo, quản lý trật tự xây dựng, an toàn lao động trên địa bàn thành phố; có chính sách giải quyết đồng bộ trên toàn thành phố để chấm dứt tình trạng xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp.

- Trên cơ sở Đồ án điều chỉnh hoạch chung thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, khẩn trương rà soát, đánh giá, điều chỉnh những nội dung, chỉ tiêu chưa phù hợp như chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở. Xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xã hội hóa trong việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; tập trung xử lý có hiệu quả việc di dời các hộ dân tại các khu tập thể xuống cấp nghiêm trọng (cấp độ D). Khẩn trương rà soát các dự án còn dở dang hạ tầng, chưa khớp nối hạ tầng, bàn giao cho địa phương quản lý, hoàn thành trong năm 2021.

- Đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải đảm bảo tiến độ, kế hoạch đề ra. Chấm dứt việc nuôi cá lồng bè trên các sông và vịnh trên địa bàn thành phố trong năm 2021. Rà soát quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ vật liệu xây dựng thông thường; đề xuất các giải pháp để xử lý tình trạng đóng cửa mỏ dở dang nhằm cải thiện môi trường cảnh quan và tăng cường sử dụng đất hiệu quả sau khi đóng cửa mỏ. Hoàn chỉnh Đề án Số hóa dữ liệu đất đai để đưa vào khai thác làm cơ sở quản lý, công khai minh bạch quỹ đất trong năm 2021.

- Triển khai có hiệu quả Đề án kiểm soát sự phát triển phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông trên địa bàn thành phố, tích hợp đồng bộ giữa các quy định hạn chế, cấm đậu đỗ xe, thu phí đậu đỗ xe... với việc quy hoạch, đầu tư các bãi đậu xe công cộng; xúc tiến đầu tư phát triển mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn phù hợp với quy hoạch chung.

4.6. Đẩy mạnh quản lý công tác thu chi và điều hành có hiệu quả ngân sách nhà nước

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố. Nghiên cứu giải pháp nuôi dưỡng và tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách thành phố. Khẩn trương tháo gỡ và hoàn thành thủ tục thu tiền sử dụng đất từ các dự án tồn đọng nhiều năm; hoàn thành việc rà soát và có phương án quản lý, sử dụng, khai thác đối với quỹ nhà, đất công trên địa bàn thành phố, kể cả các tài sản thu hồi theo các bản án đã có hiệu lực. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế đối với một số ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao về thuế.

- Chi ngân sách theo dự toán và khả năng thu ngân sách một cách chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; ưu tiên các khoản chi cấp thiết bắt buộc phải chi cho công tác phòng chống dịch COVID-19, chi chính sách cho con người, an sinh xã hội. Cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, hội thảo, công tác trong và ngoài nước; tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2021; thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết (trừ các khoản lương, có tính chất lương), chậm triển khai để bổ sung dự phòng ngân sách địa phương, tập trung cho công tác phòng, chống dịch. Đề xuất

phương án cân đối ngân sách trong trường hợp hụt thu. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính; tăng cường thanh tra, kiểm tra, triển khai các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng lãng phí, nhất là lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, đơn vị và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4.7. Tiếp tục giải quyết và phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội; tăng cường các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân

- Triển khai hỗ trợ có hiệu quả, nhanh chóng, thuận lợi cho các đối tượng bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và các chính sách, kế hoạch hỗ trợ của thành phố. Tập trung giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho người lao động sau dịch COVID-19.

- Triển khai tốt Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Đề án “Xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị” trên địa bàn thành phố năm 2021, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Đảm bảo tiến độ triển khai đầu tư, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn thành phố<sup>(3)</sup>; ban hành Đề án tổ chức các sự kiện, lễ hội văn hóa đặc sắc hàng năm, gắn với thiết lập chuỗi sự kiện, văn hóa lễ hội về đêm của thành phố; hoàn thành Đề án Quy hoạch Quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao thành phố giai đoạn 2021-2030.

- Xây dựng Đề án tiếp tục thực hiện Chương trình thành phố “5 không”, “3 có”, “4 an” trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025. Hoàn thành công tác hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công năm 2021; triển khai thực hiện Đề án xây dựng các khu chung cư xã hội bố trí cho gia đình người có công cách mạng khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố. Đẩy nhanh tiến độ các công trình y tế trọng điểm. Tiếp tục triển khai Đề án “Xây dựng, nâng cấp, mở rộng trường học giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”. Đảm bảo các điều kiện phục vụ năm học mới 2021-2022; có phương án dạy học trực tuyến hiệu quả, chất lượng phù hợp với tình hình dịch bệnh; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng lưới trường học trên địa bàn đảm bảo đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng và triển khai lộ trình tiến tới miễn học phí đối với học sinh mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trong hệ thống công lập. Đánh giá việc thực hiện Đề án thí điểm thu nhận trẻ dưới 18 tháng tuổi tại các trường công lập trên địa bàn. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố; đẩy nhanh tiến độ xây dựng mô hình chợ đảm bảo đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

4.8. Tập trung công tác xây dựng chính quyền; nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo

<sup>(3)</sup> Tu bổ, tôn tạo di tích Thành Điện Hải (giai đoạn 2); cải tạo, nâng cấp cơ sở 42 Bạch Đằng thành Bảo tàng Đà Nẵng; cải tạo, mở rộng Nghĩa trường Hòa Vang; quy hoạch Di tích danh thắng Ngũ Hành Sơn; phối hợp với tỉnh Thừa Thiên - Huế trùng tu, tôn tạo di tích Hải Vân quan; hoàn chỉnh Hồ sơ “Văn khắc Hán Nôm Ngũ Hành Sơn” đệ trình UNESCO công nhận di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.



- Triển khai thực hiện tốt việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội. Phê duyệt và thực hiện có hiệu quả Đề án phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương trên các lĩnh vực, nhất là quản lý đất đai, đô thị, đầu tư, tài chính - ngân sách... phù hợp với thí điểm mô hình chính quyền đô thị.

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 của Thành ủy về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả Đề án “Thành phố thông minh”; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, các hình thức trực tuyến trong xử lý công việc, hội họp. Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, quận, huyện (DDCI) gắn với thực hiện tốt các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của thành phố.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện việc tiếp công tác tiếp dân, đối thoại với nhân dân theo quy định; tập trung giải quyết các khiếu nại, tố cáo mới phát sinh, không để kéo dài; tiếp tục có giải pháp phù hợp để giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, tồn đọng. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các kết luận thanh tra, kiểm toán...

4.9. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tổ chức thực hiện tốt công tác chuẩn bị gọi công dân nhập ngũ năm 2022. Triển khai có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm; tập trung lực lượng mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp, tội phạm theo chuyên đề, nhất là tội phạm về ma túy, hoạt động theo băng, ổ nhóm bảo kê, cho vay nặng lãi, đòi nợ thuê, tội phạm kinh tế, môi trường, sử dụng công nghệ cao, có yếu tố nước ngoài, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đánh bạc, trộm cắp, cướp giật tài sản, xuất nhập cách trái phép, hành vi chống người thi hành công vụ... Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 23/3/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ. Thực hiện có hiệu quả Chương trình “không có người nghiện ma túy không được kiểm soát trong cộng đồng”, “không có giết người để cướp của, băng nhóm tội phạm bảo kê, tín dụng đen và đòi nợ thuê”, “an ninh trật tự” trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ. Hoàn thành thu thập, cập nhật dữ liệu quốc gia về dân cư, việc cấp và quản lý căn cước công dân.

## **5. Về việc chất vấn và trả lời chất vấn**

HĐND thành phố đề nghị UBND thành phố chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện trả lời bằng văn bản đầy đủ, nghiêm túc các nội dung chất vấn theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; đồng thời có giải pháp triển khai thực hiện đúng tiến độ các nội dung cam kết trong trả lời chất vấn.

## **6. Tổ chức thực hiện**

6.1. HĐND thành phố giao UBND thành phố có kế hoạch triển khai, bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này trong 6 tháng cuối năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật.

6.2. Giao Thường trực HĐND, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp hoạt động, tăng cường giám sát, kịp thời đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

6.3. Đề nghị UBMTTQVN thành phố, các tổ chức thành viên và các cơ quan báo chí thành phố tuyên truyền, phổ biến, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

6.4. Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày HĐND thành phố biểu quyết thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lương Nguyễn Minh Triết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44 /NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025  
thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
KHOÁ X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, nhiệm kỳ 2016-2021 (khoản 5, Điều 1 quy định kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021);*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH14 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Công văn số 3959/BKHĐT-KTĐPLT ngày 23/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, nhiệm vụ công tác đầu tư công 6 tháng cuối năm 2020 và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 323/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho ý kiến về Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho ý kiến về kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Xét Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của thành phố Đà Nẵng như sau:

### 1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại đầu tư công và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước; tiếp tục đầu tư đồng bộ và tạo chuyển biến tích cực trong phát triển hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội; góp phần quan trọng để thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

### 2. Mục tiêu cụ thể

a) Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 260-270 nghìn tỷ đồng, trong đó tỷ trọng vốn đầu tư công đạt 20-22% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

b) Phân đầu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trên 90% kế hoạch giao; số dự án hoàn thành trong giai đoạn đạt trên 80% tổng số dự án được bố trí vốn.

### 3. Định hướng

Tập trung nguồn lực đảm bảo nhu cầu, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để phát triển thành phố, đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Bộ Chính trị (khóa XII) tại Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14; Quy hoạch thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025... Phân đầu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực, đảm bảo phát triển đúng định hướng về kinh tế - xã hội, không gian đô thị đã được phê duyệt. Tập trung đầu tư theo quy hoạch 12 phân khu và khu vực nông thôn; ưu tiên vào 3 trụ cột (du lịch, công nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển), 5 lĩnh vực mũi nhọn... Trong đó, xác định đầu tư đồng bộ, tiếp tục hoàn thiện hạ tầng là khâu then chốt, nhất là các dự án động lực, trọng điểm, có tác động lan tỏa; ưu tiên các lĩnh vực hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, xử lý ô nhiễm môi trường, hạ tầng đô thị, khớp nối kỹ thuật, cảng biển, logistics, y tế, giáo dục và đào tạo... Đồng thời, để phát huy vai trò của đầu tư công, “làm vốn môi” và là cơ sở để kêu gọi, thu hút đầu tư từ khu vực ngoài ngân sách đáp ứng các mục tiêu chiến lược, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, khai thác tối đa nội lực và huy động ngoại lực. Cụ thể:

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, có trọng điểm, phù hợp với quy hoạch thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa lớn, tạo thuận lợi thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó tập trung dự án Đầu tư xây dựng Bến Cảng Liên Chiểu và các dự án động lực, trọng điểm của thành phố theo chỉ đạo của Thành ủy và Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch, triển khai đồng bộ du lịch thông minh.

- Tập trung đầu tư hệ thống cảng biển, hàng không gắn với phát triển dịch vụ logistics.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển các ngành công nghiệp

công nghệ cao; công nghiệp công nghệ thông tin và các lĩnh vực, công trình, dự án có đóng góp, tác động trực tiếp, lan tỏa đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật để phát triển sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục tập trung xây dựng nông thôn mới toàn diện gắn với đô thị hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng các tiêu chí, phát triển nông nghiệp bền vững, nông thôn kiểu mẫu. Tập trung huy động nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng đô thị trên tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 07/7/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về xây dựng và phát triển huyện Hòa Vang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh đồng bộ với phát triển kinh tế, làm nền tảng cho thành phố phát triển bền vững.

**Điều 2. Tổng nguồn vốn và phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 là 59.496,37 tỷ đồng, gồm:**

**1. Tổng nguồn vốn và phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Đà Nẵng**

a) Tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản trong nước giai đoạn 2021-2025 là **59.166,37 tỷ đồng**, gồm các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách tập trung:	14.933,0 tỷ đồng
- Nguồn thu tiền sử dụng đất:	28.892,2 tỷ đồng
- Nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu:	5.340,17 tỷ đồng
- Nguồn thu xổ số kiến thiết:	855,0 tỷ đồng
- Vay bù đắp chi:	6.981,8 tỷ đồng
- Nguồn khác:	2.164,2 tỷ đồng

b) Tổng nguồn vốn nước ngoài (ODA) giai đoạn 2021-2025 là: **330 tỷ đồng**.

**2. Phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Đà Nẵng**

a) Nguồn vốn trong nước giai đoạn 2021-2025 là: **59.166,37 tỷ đồng**.

- Chi các công trình từ nguồn vốn ngân sách thành phố: 53.826,20 tỷ đồng.

- Chi các công trình từ nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu: 5.340,17 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025 là: **330 tỷ đồng**.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

**Điều 3. Các nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025**

1. Tuân thủ Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 và các văn bản pháp luật khác liên quan.

2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công, phù hợp với khả năng tài chính, giữ vững an toàn nợ công của ngân sách thành phố.

3. Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **Điều 4. Thứ tự ưu tiên trong phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025**

1. Bố trí đủ vốn còn lại để thanh quyết toán và chuyển tiếp cho các công trình hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

2. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ giải ngân vốn nước ngoài nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đảm bảo thời gian theo các hiệp định đã ký kết. Bố trí đủ phân vốn ngân sách thành phố tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP).

3. Ưu tiên phân bổ vốn cho các công trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung vốn cho các công trình và nhóm công trình trọng điểm, mang tính động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Hỗ trợ đầu tư các công trình cho các tỉnh Nam Lào theo ghi nhớ giữa lãnh đạo thành phố Đà Nẵng và lãnh đạo các địa phương;

5. Đối với công trình khởi công mới, trên cơ sở khả năng huy động nguồn lực đầu tư công trung hạn 2021-2025, rà soát phân bổ khi đảm bảo điều kiện bố trí vốn theo khoản 5 Điều 51 Luật Đầu tư công; sắp xếp theo thứ tự:

- Các công trình đã phê duyệt/đã thẩm định chủ trương đầu tư.

- Bố trí vốn cho các dự án chuẩn bị đầu tư đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền đồng ý triển khai nhưng chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai các công trình đã có chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, HĐND và Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố trong việc thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019; Nghị quyết số 119/2020/QH14; Quy hoạch thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025... trong đó ưu tiên cho các công trình theo chỉ đạo của Thành ủy, HĐND thành phố, các công trình phục vụ nhu cầu dân sinh, xử lý thoát nước, ngập úng, ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông..., các công trình giáo dục, y tế, văn hóa trọng điểm...

6. Bố trí dự nguồn ngân sách thành phố sau khi đã bố trí vốn cho các công trình đủ điều kiện ghi kế hoạch vốn trung hạn nhằm đảm bảo phương án nguồn lực cho các dự án chuẩn bị đầu tư sau khi hoàn thành thủ tục (được phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư) sẽ được bố trí vốn theo quy định.

7. Bố trí dự phòng chung nguồn ngân sách thành phố theo khoản 6 Điều 51 Luật Đầu tư công ở mức 10% so với tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 (**59.496,37 tỷ đồng**), tương đương với **5.950 tỷ đồng** với mục đích để: (1) bố trí vốn quyết toán cho các dự án có phát sinh nhu cầu vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 cần phải bố trí để tất toán dự án; (2) bố trí vốn cho các dự án đã giải ngân công tác chuẩn bị đầu tư năm 2021 các dự án chuyển tiếp nhưng chưa thực hiện đầu tư xây dựng và chưa đủ điều kiện tiếp tục triển khai; (3) bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, vốn lập quy hoạch khác thuộc đối tượng của Luật Đầu tư công; (4) các chương trình, dự án, đối tượng đầu tư quan trọng, cấp bách, cần thiết phát sinh phải thực hiện theo chỉ đạo của Thành ủy, HĐND và UBND thành phố.

### **Điều 5. Về các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

1. Quán triệt, triển khai hiệu quả Luật Đầu tư công và các nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành, gần nhất là Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhất là việc đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, cắt giảm thủ tục không cần thiết, giao dự toán, giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

2. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, cải thiện kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để tạo nguồn thu, đáp ứng chi đầu tư từ ngân sách thành phố, gồm nguồn ngân sách tập trung, khai thác quỹ đất, xổ số kiến thiết; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển.

3. Tranh thủ nguồn lực Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và vốn ODA, vốn vay nước ngoài; vốn đầu tư của các bộ, ngành, nhất là các dự án trọng điểm, động lực trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

4. Tiếp tục đôn đốc, xúc tiến việc xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thành phố, trong đó chủ động làm việc với Bộ Tài chính và các cơ quan Trung ương có liên quan để đảm bảo các cơ chế tạo nguồn lực cho đầu tư; ổn định và tăng tỷ lệ điều tiết, xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố trong thời kỳ ổn định ngân sách mới; trần huy động vốn vay so với tổng thu ngân sách địa phương được hưởng...

5. Nghiên cứu phương án sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư (nếu có) của ngân sách thành phố, nguồn quỹ dự trữ tài chính và các nguồn khác để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định.

6. Tập trung tháo gỡ và hoàn thành thủ tục thu tiền sử dụng đất từ các dự án tồn đọng nhiều năm; khẩn trương rà soát, thống kê chi tiết và sớm ban hành Kế hoạch thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 và hằng năm; ban hành Kế hoạch tổ chức



đầu giá quyền sử dụng đất các khu đất để chủ động, khẩn trương thực hiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, về giá... nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai theo phương án đề ra, đáp ứng nhu cầu chi đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, theo dự kiến: (1) thu từ chuyển mục đích, giao đất: 16.285 tỷ đồng; (2) thu từ đầu giá 8.459 tỷ đồng; (3) thu từ đấu thầu 3.741 tỷ đồng; (4) thu theo kết luận của Thanh tra Chính phủ 333,2 tỷ đồng; (5) thu từ kết luận số 2852/KL-TTTP là 74 tỷ đồng.

7. Tính đến phương án vay vốn của Ngân hàng thế giới (WB), các tổ chức tài chính, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trong khả năng và điều kiện của thành phố không đáp ứng được nguồn lực cho đầu tư.

8. Xác định danh mục các công trình cấp thiết cần ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các dự án lớn, quan trọng, dự án quy mô lớn, kết nối liên vùng, các dự án quan trọng, cấp thiết của địa phương.

9. Bố trí vốn đầu tư tập trung, hiệu quả, chỉ bố trí vốn cho các công trình, dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định (bố trí trung hạn đối với dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, bố trí vốn thực hiện hàng năm đối với dự án đã phê duyệt dự án đầu tư); tiếp tục thực hiện bám sát quy hoạch và đáp ứng yêu cầu phát triển, thực tế xã hội, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải. Trong bối cảnh ngân sách còn nhiều khó khăn, thực hiện cắt giảm, giãn tiến độ thực hiện đối với các công trình, dự án chưa thực sự cấp bách, cần thiết để ưu tiên và tập trung nguồn vốn cho các dự án dở dang, động lực, trọng điểm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cả về trước mắt và lâu dài theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND thành phố thông qua.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công; đảm bảo quy mô vốn chuyển tiếp của giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 không vượt quá 20% tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công 39/2019/QH14.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, bảo đảm hiệu quả, hạn chế tình trạng điều chỉnh trong quá trình triển khai; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật.

- Tiếp tục rà soát kỹ các dự án nằm trong danh mục các dự án bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, để phân tầng ưu tiên theo các cấp độ để đề xuất điều chỉnh danh mục đầu tư phù hợp với nguồn lực còn lại chưa bố trí trong kỳ họp đến.

10. Nghiên cứu, xúc tiến các dự án hỗn hợp về nguồn vốn, trong đó vốn nhà nước (đầu tư công) xác định “là vốn môi” nhằm dẫn dắt, thu hút và huy động nguồn lực đầu tư tư nhân tham gia đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật, môi trường, thoát nước, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố...

11. Phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động đi kèm với các biện pháp giám sát, kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả đầu tư; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc,

nhất là về các thủ tục đầu tư, quy trình, công tác giải phóng mặt bằng nhằm đảm bảo nâng cao khả năng và tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn được giao.

12. Đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm. Xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan, đề cao trách nhiệm người đứng đầu ở các ngành, địa phương trong công tác xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công theo quy định.

13. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công; tăng cường thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các đơn vị sự nghiệp công, sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước, tiết giảm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

14. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả, đúng mục đích việc sử dụng khoản vốn dự phòng chung 10% tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

a) Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND thành phố xem xét, quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án chuẩn bị đầu tư theo quy định, thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ở các đợt điều chỉnh, bổ sung tiếp theo tại các kỳ họp của HĐND thành phố.

b) Khẩn trương giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án đã đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công đến thời điểm HĐND thành phố thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

c) Đối với danh mục chi tiết nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ODA giai đoạn 2021-2025: Căn cứ Quyết định giao danh mục chi tiết của Thủ tướng Chính phủ, giao danh mục chi tiết đối với các dự án đủ điều kiện, thủ tục, đồng thời tiếp tục đôn đốc các đơn vị, chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện thủ tục, trình HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được giao chi tiết ở các đợt tiếp theo.

d) Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

đ) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, UBND các quận, huyện và đơn vị có liên quan rà soát, chịu trách nhiệm về số liệu và đảm bảo bố trí đủ vốn thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn trả vốn ứng trước theo quy định.

2. Thường trực HĐND thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 2 thông qua và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 8 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH**  
**Lương Nguyễn Minh Triết**

**TỔNG NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
GIAI ĐOẠN 2021-2025 THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Đính kèm Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng)

*DVT: Tỷ đồng*

TT	Nguồn vốn	Giai đoạn 2016 - 2020		Giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú
		Kế hoạch vốn	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn	Tỷ lệ	
	<b>TỔNG (A + B)</b>	<b>41.810.2</b>	<b>100%</b>	<b>59.496.4</b>	<b>100%</b>	
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>	<b>33.247.6</b>	<b>79.5</b>	<b>53.826.2</b>	<b>90.5</b>	Tổng nguồn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXII (mục 3.B).
1	Nguồn vốn ngân sách tập trung	11.188.4	26.8	14.933.0	25.1	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	10.873.5	26.0	28.892.2	48.6	
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết	779.1	1.9	855.0	1.4	
4	Vay bù đắp bội chi	2.244.8	5.4	6.981.8	11.7	
5	Nguồn khác	8.162	19.5	2.164.2	3.6	
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG</b>	<b>8.563</b>	<b>20.5</b>	<b>5.670.2</b>	<b>9.5</b>	

1	Nguồn vốn Trung ương trong nước	4.873.7	11.7	5.340.2	9.0	Giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
a)	NSTW hỗ trợ có mục tiêu (theo điểm số)	4.873.7	11.7	2.113.2	3.6	
b)	Vốn liên vùng			3.227.0	5.4	
2	Nguồn vốn Trung ương ngoài nước	3.688.9	8.8	330.0	0.6	

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Đính kèm Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng)*

*ĐVT: Tỷ đồng*

TT	Phân bổ Kế hoạch vốn	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
		Số dự án	Kế hoạch vốn
	<b>TỔNG SỐ (A + B)</b>		<b>59.496.37</b>
<b>A</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>		<b>53.826.20</b>
<b>I</b>	<b>Số phải phân bổ (đủ điều kiện để bố trí KH trung hạn 21-25), giao danh mục chi tiết đợt 1</b>	<b>750</b>	<b>27.566.02</b>
<b>1</b>	<b>Bố trí cho các công trình thanh quyết toán và thanh toán khối lượng</b>	<b>286</b>	<b>932.4</b>
<b>2</b>	<b>Bố trí cho các công trình chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</b>	<b>274</b>	<b>12.055.80</b>
<b>3</b>	<b>Công trình mới của giai đoạn 2021-2025</b>	<b>190</b>	<b>13.491.22</b>
3.1	Các công trình đã phê duyệt/đã thẩm định chủ trương đầu tư	190	12.891.22
3.2	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn lập nhiệm vụ quy hoạch		600
<b>4</b>	<b>Bố trí cho Huyện Hòa Vang</b>		<b>822.6</b>

<b>5</b>	<b>Chi XDCB vốn tập trung cho các quận (năm 2021) theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2021</b>		<b>264</b>
<b>II</b>	<b>Dự nguồn</b>		<b>5.949.64</b>
<b>III</b>	<b>Số còn lại để phân bổ cho các dự án chuẩn bị đầu tư đủ thủ tục sẽ được giao trong các đợt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại các kỳ họp sau của HĐND thành phố</b>		<b>20.310.54</b>
	Trong đó: dự kiến bố trí các công trình dân sinh cho các quận theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2021		4.200.00
<b>B</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>21</b>	<b>5.670.17</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn ngân sách trung ương trong nước</b>	<b>20</b>	<b>5.340.17</b>
<b>1</b>	<b>Nguồn trung ương hỗ trợ có mục tiêu</b>	<b>17</b>	<b>2.113.17</b>
a)	Số phải phân bổ (đủ điều kiện để bố trí KH trung hạn 21-25), giao danh mục chi tiết đợt này	13	1.520.73
(1)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020	3	133.77
(2)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	8	302.60
(3)	Các công trình khởi công mới đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và đủ điều kiện bố trí vốn	2	1.084.36

b)	Số còn lại để phân bổ sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định	4	592.44
2	<b>Vốn ngân sách trung ương đầu tư các các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển</b>	<b>3</b>	<b>3.227.00</b>



---

**Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng xuất bản**

Địa chỉ: 24 Trần Phú - Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3893777

Fax: 0511.3 821286

Email: [congbao@danang.vnn.vn](mailto:congbao@danang.vnn.vn)

Website: <https://congbao.danang.gov.vn>

In tại: Công ty Cổ phần In Bưu điện